

Chữ nghĩa làng văn

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được gộp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tìn thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngô Không Phi Ngọc Hùng.

Chữ Việt cổ

Do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại...

Bàn thối: *bàn tọa*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Tục ngữ, thành ngữ

Tục ngữ là những câu nói gọn ghẽ và có ý nghĩa lưu hành *tự đời xưa, rồi do cửa miệng người đời truyền đi.*

Thành ngữ là những lời nói do *nhiều tiếng ghép lại đã lập thành sẵn, ta có thể mượn để diễn đạt một ý tưởng của ta.*

Sự khác nhau của tục ngữ và thành ngữ là ở chỗ này:

Một câu *tục ngữ tự nó phải có một ý nghĩa đầy đủ*, còn như *thành ngữ chỉ là những lời nói có sẵn để ta tiện dùng mà diễn một ý gì* hoặc tả một trạng thái gì cho có màu mè.

(Việt Nam văn học sử yếu - Dương Quảng Hàm)

Tớ

Tớ : *con đời*

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Chữ là nghĩa

Trong Kiều có câu “Giác *hương quan* luống lẫn *mơ canh dài*”.

“Hương quan” – hương: *làng*. quan: *cổng*.

Ghép chữ Nôm

Chữ “ở” đem ghép với chữ khác ta có:

ở ác, ở ẩn, ở cữ, ở bạc, ở chung, ở dơ, ở đậu, ở đợ, ở giá, ở góa, ở không, ở lính, ở ngoài, ở rẻ, ở riêng, ở tù, ở trần, ở trống, ở trường, ở vậy...

(Tiếng Việt hồn Việt – Lê Thương)

Hát chèo



Chèo sử dụng tối thiểu là hai loại nhạc cụ dây là *đàn nguyệt* và *đàn nhị* và cả sáo nữa.

Ngoài ra, nhạc công còn sử dụng thêm trống và chũm chọe. Bộ gõ đầy đủ thì có trống cái, trống con, trống cơm, thanh la, mõ. Trống con để giữ nhịp cho hát, cho múa và đệm cho câu hát. Có câu nói "*phi trống bất thành chèo*" chỉ sự quan trọng của chiếc trống trong đêm diễn chèo.

(nguồn: ttvhq5.com.vn)

Con Lợn khác con heo chỗ nào?

Miền Bắc có lợn sề, lợn nái, lợn giống, lợn cấn, lợn sữa, *lợn choai*, *lợn thối*, lợn ỷ.

Miền Nam có heo nhà, heo ruộng, *heo bông*, heo lang, *heo cỏ*, *heo bò*, heo nọc, *heo hạch*, heo nái, *heo nưa*, heo lúra, *heo mọt*.

Đã có một thời...

Đi tìm ông nặn tượng

Vài nét chính về cuộc đời Nguyễn Thanh Thu



(chân dung người lính làm mẫu cho tượng)

Chúng tôi đến bên bức tượng nhỏ *Tiếc thương*, anh còn để bên những bức khác trên kệ. Đây là hình tượng lúc ban đầu của khi anh bắt tay vào sáng tác "*Tiếc thương*" và được dựng tại Nghĩa trang Quân đội vào ngày 1-11- **1966**. Hình dung lại khung cảnh đó, tôi không khỏi bùi ngùi. .

Hỏi đến chuyện gia đình, anh Thu cho biết: hiện nay anh đang sống cùng với vợ và 7 người con. *Quán cà phê Tượng Đá* cũng đủ sống. Trước đây anh là sĩ quan QĐVNCH, cấp bậc sau cùng là thiếu tá quân nhu, phụ trách tổng quát về các công trình ở Sài Gòn và đặc trách về Nghĩa trang Quân đội. Tôi hỏi anh có ý định ở hẳn lại Việt Nam với gia đình anh không?

Anh cười:

– Nếu có một người nào đó yểm trợ cho công trình dựng tượng của tôi thì tôi sẽ ở lại thực hiện nó cho đến cuối đời, không đi đâu nữa cả. Nhưng nếu không có người tài trợ, có lẽ tôi sẽ trở lại nơi định cư như những người khác thôi.

Tôi viết bài này chỉ có mục đích thông tin về người nghệ sĩ tài hoa đã làm nên một *bức tượng Tiếc thương* để lại trong lòng mọi người và anh có dịp tâm sự với bạn đọc.

(Văn Quang)

Câu đố dân gian

Đi nhăn răng, về nhăn răng
(cái cào cò)

Đã có một thời...

Thanh Nam

Tôi viết về Thanh Nam, một người bạn thân trong số vài người bạn thân của tôi từ xưa tới nay. Khi Thanh Nam mất ở Mỹ, tôi hoàn toàn không biết và dù có biết cũng chưa thể “nói gì” với nhau được khi VN còn “mù internet” và hoàn cảnh của tôi cũng chẳng dễ chịu chút nào.

Thấm thoát thế mà đã hơn hai mươi năm. Ngày giỗ Thanh Nam lại đến. Tôi chỉ còn nhớ có một người bạn nào đó gửi cho tôi vài tấm hình về những ngày tháng cuối cùng của Thanh Nam, có các cháu Mai Hương, Quỳnh Giao... đến bên giường bệnh hát cho chú nghe lần cuối. Những chi tiết làm tôi cảm động. Bùn ngủi nhớ lại khoảng thời gian dài chúng tôi sống và làm việc cùng nhau từ tòa soạn báo Điện Ảnh của anh Nguyễn Ngọc Linh rồi đến Kịch Ảnh của ông Quốc Phong. Nhưng nhiều kỷ niệm nhất vẫn là những ngày tháng

Thanh Nam chưa lập gia đình. Hầu như mỗi buổi tối chúng tôi thường ngồi với nhau hoặc ở một quán cà phê, hoặc ở một quán ăn, hoặc ở một dancing nào đó, mà thường là Tự Do, Mỹ Phụng giữa Sài Gòn. Có Thanh Nam là có Mai Thảo, Hoài Bắc, đôi khi có cả các anh Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ. Các ông này uống rượu thì tôi thì không dám uống vì bệnh bao tử, nên chỉ ngồi ăn giỗ mỗi. Có khi các ông ấy say khướt, người tỉnh nhất là tôi nên phải lái xe đưa các ông về từng nhà. Có lúc hứng, tan tằm ở tiệm nhảy Baccara đã là 3-4 giờ sáng, các ông ấy đòi đi Vũng Tàu - Đà Lạt cùng với mấy em ca-nhe nổi máu điên bắt tử, tôi cũng lại là người lái xe. Từ ngày Thanh Nam lập gia đình với Túy Hồng, chàng có vẻ ngoan hơn và tôi cũng ít có dịp đi chơi với Thanh Nam.

(Thanh Nam trong hoài niệm – Văn Quang)

Câu đố dân gian

**Đi thì nằm, nằm thì đứng
(bàn chân)**

Đã có một thời...

Nhà thơ Tô Kiều Ngân từ đời lính đến Tao Đàn

Lâu lắm rồi, tôi không gặp anh Tô Kiều Ngân, mặc dù chúng tôi cùng ở chung một thành phố Sài Gòn. Được tin anh từ trần vào ngày 20-10 vừa qua khiến tôi ngỡ ngàng.

Tô Kiều Ngân và tôi không đi theo diện HO, mỗi người có một lý do riêng. Tô Kiều Ngân ở lại, có gia đình vợ con, có nhà cửa. Còn tôi lòng bông ở trọ, ở chui hết trong chợ Bàn Cờ đến Trương Minh Giảng rồi đến chợ An Đông, cuối cùng về cái chung cư Nguyễn Thiện Thuật và là “dân ABC đi ở thuê” với bốn năm cái “không”. Không bạn bè, không nghề nghiệp gì mặc dù qua 12 năm, 2 tháng 26 ngày ở “trại cải tạo”, tôi trồng rau muống rất giỏi. Khối đội phải nhờ tôi đến gieo hạt rau muống cho khu ruộng mới. Tôi gieo hạt đều lắm và... có tay nên ruộng nào cũng tốt.

Thế mà về Sài Gòn thất nghiệp nặng. Tôi cứ nhìn mấy cái hè phố mới được đào xới lên để lát gạch mới, và ước ao rằng chỗ đó cho tôi trồng rau muống thì thành phố không thiếu rau. Cái ước mơ thật ngu xuẩn, vậy mà khi còn ở trong cái gọi là “trại cải tạo”, đôi khi tôi lại cho điều đó có thể thành sự thật! Bởi 12 năm, người ta dạy chúng tôi được có thể thổi và thành phố vào những năm đó toàn dẹp lớp, nón cối thì việc trồng rau ở hè phố gọi là “tăng gia sản xuất” cũng có thể được lắm chứ. Hè phố là một sự “lãng phí của bọn tư sản”. Ý nghĩ chưa hẳn là hoàn toàn ngu xuẩn.

Tôi không rõ anh Tô Kiều Ngân được tha về năm nào và cũng không biết anh ở đâu. Cái ngõ Phan Văn Trị, nơi anh ở trước kia, tôi có đến một hai lần, nhưng không chắc anh còn ở đó

không. Sau này tôi mới biết tin anh ở mạn Bình Thạnh và rất ít khi lên trung tâm thành phố gặp bạn bè. Cho đến khi trong một đám cưới, khoảng năm 2007-2008 tôi mới gặp lại Tô Kiều Ngân. Anh có vẻ khỏe mạnh hơn lần cuối chúng tôi gặp nhau trong “trại cải tạo” ở Sơn La, vào khoảng năm 1977-78.

(Văn Quang)

Ca dao tục ngữ thời hiện đại

Đầu bạc răng... vàng.

146 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Nhà văn Mai Thảo viết :

“Những trong nắng và những ngoài nắng ấy, Nhật Tiến đã thấy đã trải qua, đã viết ra, đã thuật lại. Gọi đó là *nắng cáo trạng, nắng bạch thư, gọi đó là nắng Ko Kra, nắng Nhật Tiến*. Trước cái khuynh hướng muôn thuở của con người là sự kiếm tìm những tàn cây đầy bóng mát cho tâm hồn và đời sống văn chương bây giờ của Nhật Tiến, những lên tiếng không ngừng của Nhật Tiến cho thấy *ông vẫn lựa chọn đứng ở đó. Ngoài nắng. Giữa nắng*. Thái độ ấy có thể bị nhìn là khô cứng. Hoặc với những tâm hồn bóng rợp là một đọa đầy vô ích. Tôi chỉ nhìn thấy tự nhiên và bình thường nơi người nhà văn lưu đầy ở Nhật Tiến.

Có một sự kiện mà có rất nhiều sách vở hoặc tư liệu ghi chép lại. *Đó là bài diếu văn nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam mà nhà văn Nhật Tiến đã ứng khẩu khi hạ huyệt*.

Nhà văn Nhất Linh là một lãnh tụ đối lập với chính quyền của tổng thống Ngô Đình Diệm. Ngày 7 tháng 7 năm 1963 ông bị đưa ra tòa để xử án nhưng ông đã tự quyền sinh để phản kháng và cho rằng đời ông chỉ có lịch sử phán đoán công tội mà thôi và hành động đàn áp đối lập bắt giam những lãnh tụ quốc gia sẽ làm cho mất nước về tay cộng sản. Đám tang của ông bị mật vụ bao vây vì chính quyền không muốn bị tai tiếng với dư luận quốc tế nhưng lại có nhiều sinh viên học sinh đến đưa tiễn.

Nhà văn Nhật Tiến ở trong phái đoàn của Trung tâm Văn bút Việt Nam với tư cách là *phó chủ tịch nên có mặt lúc hạ huyệt và ông đã ứng khẩu bài diếu văn và đọc như là một cách thể phản kháng của người cầm bút trong hoàn cảnh thời thế ấy*. Trong khi nhiều lãnh tụ đảng phái bị bắt giữ và các văn nghệ sĩ bị theo dõi thì hành động kể trên phải được coi như một phản ứng can đảm của kẻ sĩ không ngại ngục vì có thể bị bắt giam bất cứ lúc nào...

(Nhà văn vẫn đứng ngoài nắng: Nhật Tiến – Nguyễn Mạnh Trinh)

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Hoàng Cầm và nhóm Nhân văn Giai phẩm - 1

Lúc đó tôi còn trẻ lắm và ngỡ ngác giữa Hà Nội nhón nháo khóc mếu cười cợt nghị ngố, giữa cái "chợ trời thiệt giả đầu chân lý" đó? Có một lần tôi gặp Hoàng Cầm đi băng qua đường Hai Bà Trưng, quần nâu áo sơ mi trắng dép cao su. Tôi gặp và biết anh trước đó, nên lần này gặp lại tôi nhìn rất lâu. Đối với tôi Văn Cao, Hoàng Cầm là tiên thánh chứ không phải người phạm. Nên gặp họ là tôi mê mãi nhìn. Có lẽ vì thấy có người ngó mình chằm bằm như vậy nên anh cũng nhìn lại tôi hơi lâu và hơi mỉm cười.

Chắc anh không biết tôi là ai, nhưng tôi biết rõ anh: chính trị viên đoàn Văn Công của Nguyễn Chí Thanh. Với chức vụ này, anh còn là chính trị viên tiểu đoàn. Và phải là đảng viên. Cũng chẳng sao, thiếu gì đảng viên *đồng sàng dị mộng* với đảng, ly khai chạy tét ghen nữa là đảng khác.

Ngoài ra tôi còn được nghe hai "âm thanh majeure Hoàng Cầm" trong các cuộc đấu tố Hoàng Cầm vắng mặt ở dinh của Hoàng Cao Khải ở Thái Hà áp. Nhiều nhà văn có tiếng đã đích thân

đứng lên trước hàng ngàn văn nghệ sĩ toàn Hà Nội lớn tiếng tố cáo "tội" và bới móc sự trụy lạc của Hoàng Cầm.

(Xuân Vũ)

Ca dao tục ngữ hiện đại hiện thực

Rượu bất khả ép, ép bất khả từ, thì...từ từ để tao...uống

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Hoàng Cầm và nhóm Nhân văn Giai phẩm - 2

Nguyễn Huy Tưởng, đảng viên do Trường Chinh kết nạp, đại biểu quốc hội tỉnh Bắc Ninh, tiểu thuyết gia cự phách có bài đăng trên Nhân Văn số 2 đã đứng lên phủ nhận những điều đó là bịa đặt.

Nguyễn Huy Tưởng nói:

"Hoàng Cầm là một nhà thơ và là một nhà giáo, có trụy lạc chăng thì cũng là cái trụy lạc mà tất cả chúng ta đều có, và *lắm khi say rượu và làm thơ trong lúc say*. Tôi biết rõ Hoàng Cầm không phải là người trụy lạc bằng chứng là anh ấy đã đi theo suốt cuộc kháng chiến với chúng ta, đã sáng tác hơn hẳn cả nhiều người trong chúng ta nữa và còn lãnh đạo một đoàn văn công kháng chiến cho tới về Hà Nội. Tôi không bênh vực Hoàng Cầm nhưng chúng ta không nên bôi nhọ, bằng thứ nhọ lấy chính từ sự sáng tạo của chúng ta. Làm như vậy e rằng toàn bộ lời lẽ của chúng ta tố cáo Nhân Văn Giai Phẩm làm cho quần chúng nghĩ chỉ là sự bịa đặt..."

Nguyễn Huy Tưởng bị mất chức đại biểu quốc hội ở phiên họp Quốc Hội ngay sau đó, vì lời "bênh vực" này, đồng thời bị thất sủng nặng vì ngoài lời lẽ kể trên còn bị tố cáo giao du thân mật với Hoàng Cầm và Văn Cao, Nguyễn Tuân.

Nguyễn Huy Tưởng đứng lên, mỉa mai: "*Tôi có đi ăn chả cá với họ (tức nhóm Nhân Văn Giai Phẩm) ở Hàng Chả cá, không biết đó có phải là giao du thân mật không?*". Nguyễn Huy Tưởng làm cả hội trường cười rộ lên trước cặp lông mày nhíu lại của Tố Hữu.

(Xuân Vũ)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Về hựu tính nét đổi thay
Làm việc thì ít lại hay nói gàn.

Về khúc Tống biệt

Nhà nghiên cứu Thạch Trung Giả viết:

"Ngậm ngùi" là nỗi buồn sâu xa thấm thía, tuy không mãnh liệt đốt xét lòng người nhưng dư vang bất tuyệt. Trong cuộc tiễn đưa, bốn người đã ngậm biết không bao giờ gặp lại nên tình cảm của họ lắng sâu như thiên cổ.

Nửa năm tiên cảnh, một bước trần ai...

Diễn tả nỗi bàng hoàng của người thấy cuộc vui qua mau như giấc mộng. Trần ai xuất từ kinh Phật ví cõi đời ô trọc và vô thường. Để rồi từ đó mạch thơ chuyển sang thơ *Đá mòn rêu nhạt, nước chảy huê trôi* cốt nói thêm cuộc tan vỡ này không phải là ngẫu nhiên mà là theo định luật chung của vũ trụ.

"Cái hạc" không những chỉ chiếc xe tiên mà còn ám tỷ hạnh phúc từ đây hoàn toàn mất hút.

Tiếng "thơ thần" như tả một người đi lẻ loi. "Bóng trăng" có thể coi như là một linh hồn trầm tư cúi xuống chứng kiến nơi đã ghi dấu một cuộc tình đẹp nhất và cũng bi ai nhất...Chữ dùng tinh vi, gợi cảm đến mức cuối cùng..."

Tên phố tên đường

Một người Pháp quen biết kể chuyện rằng thuở Đức chiếm đóng nước Pháp, khi kia quân đội Đức bố ráp ở một ngoại ô nhỏ tại Ba Lê để bắt ông Dupont nào đó. Cuộc bố ráp thi hành xong thì chúng bắt được tất cả *tám trăm mười bảy ông Dupont*. Một cựu thông ngôn nhà binh Pháp ở đây cũng kể rằng khi kia Pháp ruồng bỏ ở làng nọ để bắt Nguyễn Thị Hai nào đó. Chỉ một quận ấy thôi, mà họ đã bắt đến *bốn mươi tám Nguyễn Thị Hai* chẵn chòi. Vậy thì họ Nguyễn chiếm đến *55 con phố ở Sài Gòn – Chợ Lớn* không phải là chuyện lạ.

(Phố của thành phố – 1957 Bình Nguyên Lộc)

Tên đường phố Sài Gòn sau năm 1975

Trước năm 1975, đường Duy Tân bắt đầu từ đường Hiền Vương dẫn đến nhà thờ Đức Bà đường Thống Nhất. Sau năm 1975 đường Duy Tân được đổi tên là Phạm Ngọc Thạch. “...Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch là anh em cô cậu ruột với tôi. Anh Thạch gọi cha tôi bằng cậu ruột. Theo tôi biết cha tôi rất quý anh Thạch, thường khen ngợi tài năng đức độ của anh. Cha tôi vẫn nói: Đi làm cách mạng như Phạm Ngọc Thạch mới đúng nghĩa. Bỏ hết, bỏ tất cả, bỏ cả gia tài, sự nghiệp, vợ đẹp, con thơ... , lại học ở Pháp về.... (sau Phạm Ngọc Thạch làm ngoại giao)

Anh Thạch cũng rất quý mến cha tôi, hai cậu cháu cũng rất gần gũi. Cha tôi có nói cho tôi biết là: *Anh Thạch rất kính phục vua Duy Tân*. Vì thế, khi bỏ con đường Duy Tân để đặt tên anh, tôi thậm nghĩ có lẽ hương hồn anh cũng không được vui...”.

(Tôn nữ Hỷ Khương)

Những cái cũ & xưa nhất của Saigon



Ngôi nhà xưa nhất còn lại tại Sài Gòn nằm trong khuôn viên Tòa Tổng Giám Mục Sài Gòn -180 Nguyễn Đình Chiểu.

Năm 1790, Vua Gia Long cho cất ngôi nhà này ở gần Rạch Thị Nghè làm nơi ở cho Linh mục Bá Đa Lộc và làm nơi dạy học cho hoàng tử Cảnh.

Ngôi nhà được xây dựng bên bờ sông Thị Nghè trong địa phận Thảo Cầm Viên bây giờ.

Sau khi vua Tự Đức ký hòa ước với Pháp, ngôi nhà được trao lại cho Tòa Giám Mục và được di chuyển về *vị trí đường Alexandre de Rhodes hiện nay*. Sau đó năm 1900 Tòa Giám Mục được xây cất tại 180 đường Richaud thì ngôi nhà gỗ lại được dời về đây làm nhà thờ của Tòa Giám Mục.

Ngôi nhà 3 gian 2 chái, lợp ngói âm dương, sườn, cột bằng gỗ, khung cửa và các khung thờ đều được chạm trổ công phu hình hoa, lá, chim thú, hoa văn. Trong các di vật còn lại của ngôi nhà có giá trị lịch sử, đó là đôi liễn gỗ có tám chữ triện khảm xà cừ là tám chữ vua Gia Long ban tặng giám mục Đá Ba Lộc, một bên là “Tứ Kỳ Thịnh Hy”, một bên là “Thần Chi Cách Tư”.

Trải qua hai thế kỷ ngôi nhà không giữ được nguyên trạng nhưng đây là một di tích kiến trúc mang dấu ấn lịch sử và văn hóa. Đây là một tài sản có giá trị mà các bậc tiền nhân đã để lại cho chúng ta, không chỉ là truyền thống- bản sắc dân tộc mà còn là bộ mặt quá khứ mang tính văn hóa kiến trúc, một khía cạnh văn minh tại một vùng đất mới mọc lên từ đầm lầy, kênh rạch.

Chửi mát gà

“Bố thằng chết đâm, cha con chết xĩa kia! Mày day tay mặt, mày đặt tay trái, nở ăn cắp của bà đây con gà. Này bà bảo cho mày biết: Thằng đứng chiếu ngang, thằng sang chiếu dọc, thằng dọc văn tế, thằng bẻ cái hài, thằng nhai thủ lợn. Con gà nó ở nhà bà là con gà. Nó bị bắt trộm

về nhà mà thì thành con cú, con cáo, con nanh mỏ đỏ, nó sẽ mổ mắt, xé xác ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con cái nhà mà đấy!

Cha tiên nhân ông nội, ông ngoại, ông đại, ông khôn, đồng môn chi rể nhà mà nhá! Mà gian tham đã ăn trộm ăn cắp con gà mái nhà bà. Rồi ra, nhà chúng mà chết một đời cha, chết ba đời con, đẻ non, đẻ ngược, chân ra trước đầu bước ra sau, đẻ sót nhau, chết mau, chết sớm, chết trẻ, đẻ ngang nhá. Bốn thằng cầm cờ xanh đứng đầu ngõ, ba thằng cầm cờ đỏ đứng đầu làng, đưa đám tang cả nhà mà ra đồng làng chôn đấy. Mà có khôn hồn, mang trả ngay con gà đó cho bà, kéo không bà đào mồ, quật mả *cao tầng tổ khảo, cao tầng tổ tĩ*, thúc, bá, đệ, huynh, cô, dì, tỳ, muội nhà mà...".

Xóm Gà

Đường Lê Quang Định Xóm Gà, đi về hướng Gò Vấp, bên phải có chùa Dược Sư, và *chùa Già lam*, hai chùa Dược Sư và Già Lam là hai chùa nổi tiếng ở miền Nam, nhất là trong khoảng thời gian 1960-1974. Chùa Già Lam được xem là nơi lai vãng của các Hoà Thượng, Thượng Tọa thuộc khối Ấn Quang. Chùa Dược Sư *chỉ dành cho sư nữ*.



Chùa Dược Sư



Chùa Già Lam

Được biết Thích Trí Quang trước 75, linh hồn của khối PG Ấn quang, người đã gián tiếp đưa đến sự sụp đổ VNCH, trên 90 tuổi, đang tu thiền, tu thư kinh Phật ở chùa Già Lam.

(Y Nguyên-Mai Trần)

Văn hoá chửi

Sự khác biệt ở đây là gì? Khác, trước hết, ở chỗ: với phụ nữ, chửi là một cách hạ nhục đối phương, chà đạp lên nhân phẩm của đối phương, bắt đối phương phải làm những chuyện bị xem là thật đáng xấu hổ. Với nam giới, chửi là một hành động thách thức và khiêu khích, tự nâng mình lên cao hơn đối phương.

Khác, còn ở điểm nữa: trong cách nhìn của nữ giới, bộ phận sinh dục của chính họ là một cái gì xấu xa và dơ dáy, nơi dùng để trừng phạt, để đày đoạ và để sỉ nhục người khác. Trong cách nhìn của nam giới, bộ phận sinh dục của họ là cái gì rất đáng... tự hào, với nó, người ta xác định một thể đứng đầy ngạo nghễ.

Thì cũng không có gì đáng ngạc nhiên. Đã đành cả hai đều là những bộ phận quan trọng nhất trong việc xác định cái giống (sex) của con người, nhưng trong khi bộ phận sinh dục của phái nam là cái gì lộ hẳn ra ngoài. Bộ phận sinh dục của phái nữ lại nằm sâu hút bên trong, trở thành một thể giới đầy bí ẩn, có mặt như một sự vô hình, thậm chí, như một sự khiếm khuyết, một thứ dương vật bị cắt bỏ hay bị lộn ngược vào trong trong khi bộ phận sinh dục của nam giới có thể bị thiên, bộ phận sinh dục của phụ nữ không có nguy cơ bị biến mất. Nó có đó và nó sẽ còn đó mãi. Vì vậy, người ta không phải lo lắng đến sự tồn tại của nó.

(Nguyễn Hưng Quốc)

Thành ngữ hiện đại, hiện thực

Tiên học lễ hậu học ...ăn.

Văn hóa ẩm thực

Theo Sơn Nam, hai quán café đầu tiên của người Pháp hiện diện khá sớm (1864) tại Saigon, là *Café Lyonnais* đường De Lagradière-Gia Long và *Café de Paris* đường Catinat-Tự Do. Ngoài Bắc, khi Pháp chiếm Hà Thành (1882) thì năm sau xuất hiện quán café ở phố Thọ Khâm (nay là Tràng Thi) trong hai năm (1884, 1885), số quán tăng lên rất nhiều, có các hiệu *Café du commerce*, *Café de Paris*, *Café Albin*, *Café de la Palace*, *Café Block*, nhưng sớm nhất và nổi tiếng nhất là *Café de Beira*.

Trong tiểu thuyết Ngoại Ô (1941) của Nguyễn Đình Lạp, bóng dáng café lẫn trong tiếng rao đêm inh ỏi bên cạnh những đồ ăn, thức uống ở đầu phố Vạn Thái (Hà Nội): “Phở...ở...phở...ở!..., Cà phê ô lê bánh tây...Ai ngô rang, hạt dẻ, mía không nào!...Giò...dây! Giò...dây..ỳ...ỳ...!”.

Người bán nhiều khi háms lợi tận dụng đến nước bã café sái hai:

“Bác hàng cà phê đang tỉ mỉ xếp mấy cái phích ra trước mặt. Bác mở nắp, tháo cái rây trong ruột phích ra, rồi vội vàng bác đổ những bã cà phê vào một cái hộp sắt tây lót giấy nhật trình. Khi nhận thấy những bã cà phê hầy còn hung hung nâu, bác đưa lên mũi ngửi rồi mỉm một nụ cười láu lỉnh: “Còn ngát chán! Chỉ *phơi qua một nắng là lại pha được một nước nữa chứ chả bõn*”.

(Tản mạn café & tôi - Phan Văn Thạnh)

Nâng chén, cụng li, chạm cốc...

- Mấy khi khách đến chơi nhà
Lấy than quạt nước *chén* trà người xơi (Dân ca Quan họ)
- Tay tiên chuốc *chén* rượu đào
Đổ đi thì tiếc uống vào thì say (Dân ca Quan họ)
- Mừng ông dâng rượu ngon một *bát*
Thế cũng là đàn hát lọ chi (Nguyễn Khuyến)

Bát có rất sớm. Tàu và ta đều có *bát*.

Tên *bát* có nguồn gốc từ tiếng Phạn *bát đa la* nghĩa là *cái bát ăn* của nhà sư (Thiền Chửu).

- *Bát* cơm xơ nhờ ơn xã tắc
Gian lều có đội đức Đường Ngu (Nguyễn Trãi)
- Một bầu, một *bát*, vũng sơn tăng,
Thế sự ngoài tai, biếng nói năng (Nguyễn Bình Khiêm)

(Nguyễn Dư)

Sài Gòn một chút quán xá

Bánh mì đầu đường cuối ngõ

Bánh mì ở Saigon phải nói là: thiên hình, vạn trạng về “hình thức” cũng như “nội dung”. Ngoài vô số kể những xe bánh mì đẩy rong ruổi khắp nẻo Sài Gòn đầu đường cuối ngõ, những xe bánh mì ngon nổi tiếng, tọa lạc tại một vị trí cố định cũng rất nhiều như: xe bánh mì Tám Cầu, ở trước rạp xi nê Việt Long, trước rạp Văn Hoa Sài Gòn, hay xe bánh mì Thăng Long, nằm trên đường Cao Thắng, ngay ngã ba đường Trần Quý Cáp, v...v...

Ta còn phải nói đến số lượng các tiệm bánh mì như *bánh mì Ba Lệ* (Tân Định), Lan Huệ (Lê Văn Sỹ). Các tiệm bánh mì lâu năm, nhiều người biết đến như: *Bánh mì Nguyễn Ngọc* (Cầu Kho – Trần Hưng Đạo), Anh Phán (Cổng Quỳnh), Bánh mì Hà Nội (Nguyễn Thiện Thuật), Như Lan (Hàm Nghi). Như Lan trước là một tiệm nhỏ, sau vài chục năm, đã chiếm một miếng đất bề thế ở mặt tiền đường Hàm Nghi, gồm ba cửa hàng ăn uống, ngày đêm tấp nập khách, ngoài bánh mì thịt họ còn bán đủ thứ, như: heo vịt quay, xôi chè, bánh ngọt... và các món nước gồm cháo, miến, phở...



Xe bánh mì ở đường Hàm Nghi (Chợ Cũ), *ăn bánh mì với các món Tàu là phá lấu*, Lạp xưởng, xá xíu, thịt quay, xíu mại.
Các tiệm chuyên môn bánh mì bí tết (bifteck) như: Nam Sơn (Công Lý), Hỏa Diệm Sơn (Trần Quý Cáp), v...v...

(Bánh mì Sài Gòn theo giòng thời gian – Xuân Phương)

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Lê Thị Thắm Vân

Gần đây, Lê Thị Thắm Vân, một cây viết nữ cấp tiến, đã kể lại câu chuyện của một nhân vật nữ, có người yêu bị bắt lức nên rơi vào tình trạng uẩn ức tình dục. Để bù đắp tình trạng khiếm khuyết, phụ nữ này đã sống với nhiều người đàn ông và đắm chìm trong tình dục với bản năng của loài thú.

Qua tiếng nói của bà, chúng ta thấy được sự phản kháng mãnh liệt thành kiến hủ lậu và sự bùng vỡ của tiếng nói bấy lâu bị bắt buộc phải nín lặng trong văn chương.

"Mình ớn mình, sợ mình. Không lẽ cứ sống cái đời lằng quằng quanh mấy thằng đàn ông con trai mãi vậy sao?"

Tối qua mình nằm nghĩ thật tình như vậy: đàn ông khỏe mạnh trẻ trung to con cỡ *như thằng Mễ, một ngày ra ba lần là hết xí quách, đi chân nam đá chân xiêu, mắt nhìn gà hóa chó*. Còn con mẹ đàn bà, *như tụi điếm, làm tình một ngày cả tá thằng đàn ông chẳng sao cả, vẫn ca vọng cổ, cái lương rất ư mùi mẫn...*

Đúng ra đàn bà có thể lấy một lúc nhiều chồng được, chứ tại sao một ông mà có hàng lỗ bà vợ được??? Một bà có thể làm thỏa mãn ba thằng đàn ông trong cùng một lúc. Còn đàn ông là no way! Không cách chi làm thỏa mãn được mẹ vợ thứ ba chứ đừng nói chi đến mẹ vợ thứ bảy!!!. Chắc vậy mà đàn ông hay sợ quê, tự thấy mình bị lép vế, yếu kém thua đàn bà nên ưa toác họng ưỡn ngực thằng nào cũng mạnh mẽ cho ta đây mạnh khỏe, sức lực dồi dào macho, đêm bảy ngày ba, loe ngoe chưa tính. Dóc tổ mẹ. Toàn một lũ nói cho đã miệng. Thằng nào cũng nhiều đào, nhiều em, nhiều vợ...

Cả một lũ nằm mơ. Thôi thì cho tụi nó ước ao sống tận cùng với những giấc mơ, nhưng trong thực tế *tụi nó tự biết là đéo chẳng bao giờ đạt được*. Ừ, mình nghĩ con người cũng lạ lùng".

(Lê Thị Thắm Vân, *Âm vọng*)

(Sex: dưới mắt nhìn của người viết nữ – Trịnh Thanh Thủy)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Theo "Tự điển tiếng Việt dành cho học sinh" ở Hà Nội (Vũ Chất):

Giao cấu: *hai đũa lấy nhau rồi*

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Miêng

Từ xưa, văn chương là địa bàn của nam giới. Erica Jong có nói "Phụ nữ chọn nghề văn thường là để tạo dựng chỗ đứng trong một xã hội do đàn ông cai quản". Nhà văn nam đề cập tới tình dục khác nhà văn nữ. Họ không có khuynh hướng tả miên man và kéo dài một phân cảnh. Họ thích chớp nhoáng và đạt mục tiêu mau lẹ. Họ tập trung trên diễn tiến sinh vật lý.

Phụ nữ thì nghiêng về cảm xúc sinh lý hơn:

"Tôi ngược mặt lên đón nước, bộ ngực thanh tân chưa hề ai đụng tay vào lộ lộ ngẩng cao...Bỗng chàng đặt hai tay lên người tôi, xoa nhẹ nhẹ. Tôi run rẩy, kích động. Một cảm giác

rao rức chưa bao giờ biết trong đời con gái bỗng làm tôi suýt khóc. Dưới nước mà tôi nghe lửa cháy rức người. Tôi nhắm mắt lại, mở mắt ra, quỳnh quáng chẳng biết phải làm sao. Tôi lụp chụp ghi hai bàn tay chàng, nhả nha cắn những ngón tay thô bạo gợi tình. Từ *cổ họng phát ra tiếng kêu rên là lạ*.
(Miêng, *Đồng thiếp*)

(Sex: dưới mắt nhìn của người viết nữ – Trịnh Thanh Thủy)

Nét “tục” trong tục ngữ phong dao

Nằm đất hàng hương còn hơn nằm hàng cá
L. cô hàng cá còn nhả hơn má anh chàng hương.

(“Tục Ngữ Phong Dao” - Nguyễn Văn Ngọc)

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Phạm Thị Hoài

Viết về Sex là một trò đu dây đầy cám dỗ dành cho những cây bút nhiều năng lực và bản lĩnh. Người viết non tay dễ dàng cho những dòng chữ mình viết rơi xuống sự khiêu dâm thấp kém. Ngược lại, với người viết cao tay, có thể soi rọi và làm thăng hoa những ẩn ức bí mật chìm sâu trong thế giới tâm linh, bản năng khuất lấp thân phận con người.

Truyện ngắn “Ám thị” của Phạm Thị Hoài tả cảnh nhân vật nữ là một người đàn bà được chồng cưng chiều cho người về đấm bóp để trị bệnh đau nhức. Hoài đã tung hoành ngòi viết của mình trong *ghetto sex* cấm kỵ mà người đọc không mấy may cảm thấy bà đang đụng chạm đến “Taboo” tình dục:

”Thầy ngồi chắc chắn phía sau, đỡ tôi bằng hai đầu gối, cầm tỉ nhẹ trên gáy tôi, tay vòng qua nách ra trước, ôm quanh hai vai, khoá lại. Thầy thúc nhẹ. Lưng tôi kêu rất đẹp. Tôi uốn người ra sau như cánh cung, chân chơi vơi không chạm chiếu, *đầu ngã xuống ngực thầy. Thầy nghiêng xuống, má áp má tôi một thoáng, miệng kề miệng tôi trong tích tắc. Tay nhẹ nhàng buông vai, hứng lấy hai bầu ngực. Ngực tôi từ cương để sọt, hai núm vểnh lên thật đáng xấu hổ.*

Tay ấy vờ ngón tay tôi, vuốt mu bàn chân tôi, không quên một ly... Tay ấy mười con mắt. Bây giờ *tay ấy ôm ngang eo tôi, lùa trên bụng tôi, toả xuống ngang hông, chập chờn, thăm dò. Rồi quả quyết chườm quanh rốn. Rồi xoa, mỗi vòng một rộng, tay này đuổi tay kia, một quanh xuống bụng dưới và một lộn qua vùng ngực. Rồi ngọt ngào miết dọc những đờ xương sườn. Rồi miết đi miết lại từ cổ xuống ức, lách giữa hai bầu ngực*”.

(Phạm Thị Hoài, “Ám thị”)

(Sex: dưới mắt nhìn của người viết nữ – Trịnh Thanh Thủy)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

bàng hoàng 彷徨

Theo cách dùng của chúng ta ngày nay, bàng hoàng nghĩa là choáng váng, không ổn định tâm thần. Soạn giả đã nêu được định nghĩa đúng cho từ bàng hoàng theo cách hiểu của người Việt.

Nhưng khi giải thích nghĩa của các từ tổ bàng và hoàng thì soạn giả lại suy luận một cách tùy tiện, vì không biết mặt chữ nên không hiểu nghĩa của chúng. Theo ông, bàng = ở bên, bất định; và, hoàng = nghi hoặc. Nhưng trong tiếng Hán, từ bàng hoàng có nghĩa là *đi tới đi lui, bồi*

hồi do dự. Chữ bàng 仿 trong bàng hoàng khác hẳn chữ bàng 旁 nghĩa là ở bên cạnh; nó chỉ có thể *đi theo chữ hoàng 惶 để tạo nên từ bàng hoàng 彷徨*.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

“Mới”, “mới” hay “biến từ” trong tiếng Việt?

Khi nói đến từ "*mới*", người Việt chúng ta đều nghĩ "*mới*" là hình dung từ, trái nghĩa với "*cũ*". Ấy mà, khi mẹ nhắn nhủ con gái: "Con ạ, cái thằng tuy xấu trai học dốt, nhưng là con nhà danh giá. Con lấy được nó, tình nghĩa mới bền, mới thật sự là duyên tiền định, con ạ!", thì "*mới*" lại mang nghĩa "*có như vậy*".

Không như, trong:

"Không ngoan đến cửa quan mới biết.

Giàu có ba mươi Tết mới hay"

"mới" hàm ý "sẽ rõ, sẽ vỡ lẽ".

Ngoài ra, "*mới*" cũng còn có nghĩa "*thoạt, thoáng, vù*".

Thí dụ như hai câu ca dao tân thời sau đây:

"Nàng thủ thi, tháng này em chưa có.

Chàng mới nghe, muốn cuốn vó chạy cho rồi."

(Ngô Nguyên Dũng)

Chữ Việt cổ

Thù: *nhện*

Thử: *chuyết*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Hát chèo

Tào Mạt là người có đóng góp lớn trong sự phát triển chèo hiện đại. Tác phẩm nổi tiếng nhất (1) của ông là bộ ba vở chèo *Bài ca giữ nước* kể về lịch sử Việt Nam thời nhà Lý với nhân vật chính là Lý Thánh Tông, Nguyễn phi Ý Lan và Lý Nhân Tông.

(nguồn: ttvqh5.com.vn)

(1) Tác phẩm nổi tiếng khác là *Cành đào Quang Trung*

Tờ

Tờ : *im lặng*

(im lặng như tờ)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Phủ là gì?

Phủ là tín ngưỡng thờ Mẫu. Một số nơi thờ tự (ở Thanh Hóa) gọi đền là phủ.

Ngôi phủ sớm nhất còn lại hiện biết là điện thờ các thần vũ nhân ở chùa Bút Tháp, có niên đại vào giữa thế kỷ XVII.

Phủ là ngôi đền mà nơi đó thờ vị thần đứng đầu trong Tứ Bất Tử đó là thánh mẫu Liễu Hạnh, tín ngưỡng thờ mẫu. Việt Nam chỉ có 3 Phủ: Phủ Chính, Phủ Vân (ở Nam Định), Phủ Tây Hồ

(ở Hà Nội)

(Khuyết danh)

Mắm còng

Tới mùa nước chuẩn bị ghe, gạo, nước mắm, dầu hôi, vài người chèo tới kinh Nước Mặn, trên sông Soai Rạp chảy ra biển Tân Thành Gò Công. Kinh nước mặn thuộc Cần Đước có bãi bùn . Còng tới hội nên người bắt chỉ có hốt bỏ vào thùng thiết. Hốt trong vài ngày chèo ghe về .

Còng có thể rang muối ớt ăn cơm, nếu trúng mùa và *làm mắm* để dành ăn quanh năm. Ở Đức Hoà chỉ có thơm mà thơm sát nhỏ trộn với *mắm cò*, ớt (khô dầm, khô đường) chấm thịt luộc .

Các cụ xưa nói

Cha thương, cha cho ăn thịt luộc chấm mắm còng.

Vợ thương, vợ cời tuột quần ra...

147 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

- *“Ngày xưa Hoàng thị” có phải là bài thơ tình đầu tiên của ông?*

- Không. Bài thơ đó nổi tiếng và ra đời trong khoảng thời gian tôi mới chập chững bước vào làng thơ nên nhiều người đã nghĩ như vậy. Còn bài thơ tình đầu tiên chính là bài *Vết chim bay* tôi viết năm 24 tuổi, lúc đã *bước vào cửa chùa*.

Năm đó, khi trở lại ngôi chùa mà gần 10 năm trước tôi đã gặp một cô nữ sinh vào đó học bài, thì tình cờ nhìn thấy nét phấn trắng tôi viết tên hai đứa vẫn còn in trên gác chuông. Chúng tôi chỉ quen nhau độ một tuần, rồi tự dưng cô ấy “biến mất” nhưng tôi cứ nhớ hoài vì khuôn mặt đẹp, thánh thiện như hình tượng Quan Thế âm Bồ Tát của cô ấy.

Bâng khuâng chuyện cũ, tôi đã làm bài thơ này:

“Ngày xưa anh đón em

Nơi gác chuông chùa nọ

Con chim nào qua đó

Còn để dấu chân in...

Anh một mình gọi nhỏ

Chim ơi biết đâu tìm...”.

- *Khi về già, người ta thường sống trong hoài niệm. Ông có hay nhớ đến những “nàng thơ” của mình?*

- Tôi thường nghĩ về họ. Những người đẹp của lòng tôi thì dù đã thuộc về ai đó vẫn cứ nguyên khôi như thuở nào.

- *Vì sao ông đã chọn cửa chùa để gửi cuộc đời mình vào đó và vì sao sau 10 năm lại chọn con đường hoàn tục?*

- Tôi vào chùa vì một biến cố cá nhân. Còn sau đó, khi đã trải qua ngàn ấy năm trong cửa Thiền, tôi đã hiểu Thiền và quyết định hoàn tục với cái lý “người ta có thể tìm thấy chân lý của Thiền ngay trong cõi trần tục”.

(Phạm Thiên Thư - hồn thơ “không ngủ yên” – Vương Trí Nhàn)

Ca dao lơ mơ lữ mỗ

Làm trai cho đáng nên trai

Một trăm bữa cỗ chả sai tí nào

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao, thành ngữ)

Đã có một thời...

Thanh Nam

Tôi quen biết Thanh Nam từ năm 1951 hay 1952 gì đó khi tôi từ Hải Phòng lên Hà Nội. Tôi gặp Nguyễn Minh Lang, Thanh Nam, Huy Quang, Phan Nghị trong khu hội chợ bên Hồ Gươm. Lúc đó các ông này làm thành một tổ phụ trách về công việc phát thanh trong hội chợ. Toàn những anh mới lớn mà đã được giao một nhiệm vụ khá quan trọng.

Bởi dù sao thì những anh “nhóc mới lớn” này, mỗi anh đều đã từng có tiểu thuyết xuất bản hẳn hoi. Người lớn tuổi và nổi tiếng nhất thời đó vẫn là Nguyễn Minh Lang với những cuốn tiểu thuyết đầy vẻ “lãng đãng” như “cuộc đời một thiếu nữ”. N.M.Lang như cái đầu tàu. Sau đó là Thanh Nam, hai người như lá bài trùng, chỉ khác cái là Nguyễn Minh Lang đã có vợ con và còn có cả một người yêu mà anh thường tự phụ là “đệ nhất danh ca Bắc hà”. Sau này Nguyễn Minh Lang cũng điều đứng vì niềm tự hào ấy. Chỉ có Thanh Nam là vẫn nhớn như ngoài vòng cương tỏa.

Băng đi một thời gian, động viên vào trường Thủ Đức, ra trường tôi ở Trường commandos Nha Trang rồi sau đó về làm ở ban Báo Chí cục Tâm lý chiến, tôi mới có dịp gặp Thanh Nam nhiều hơn.

(Thanh Nam trong hoài niệm – Văn Quang)

Câu đố dân gian

Cây chi nhánh sắt, cội ngà
Đố chàng nho sĩ biết là cây chi?
(cây ô)

Đã có một thời...

Nhà thơ Tô Kiều Ngân từ đời lính đến Tao Đàn

Mừng cho người chết trong nhà tù “cải tạo”

Anh Tô Kiều Ngân không ở cùng trại tù với tôi, anh đi “lao động” bị ngã gãy tay, phải đưa về trạm xá gần trại giam tôi ở từ năm 1976 khi được đưa ra Sơn La “học tập”.

Dịp đó, nhạc sĩ Thục Vũ, tên thật là Vũ Văn Sâm, ở cùng đội trồng rau với tôi, anh bị đau gan đến vàng mắt. Thục Vũ được đưa sang bệnh xá. Nói là bệnh xá, chứ ở đây cũng chẳng có thuốc men gì chữa chạy cho bệnh nhân. Thậm chí mỗi lần lên khám bệnh “cán bộ y tế” nhỏ cho vài giọt nước củ tỏi vào mũi. Thế là xong. Bệnh nhân nặng chỉ còn việc nằm chờ chết. Thục Vũ cũng ở trong trường hợp ấy.

Một buổi sáng sớm, tôi đang lúi húi trồng luống xu hào, bỗng thấy bên mình có cái gì kêu phàn phật. Từ từ ngược lên, tôi thấy một mảnh quần tây-di rách bị gió thổi bay lác lư làm nên tiếng động nghe cũng... vui tai. Tôi nhận ra ông Phan Lạc Phúc, khoác chiếc áo tây di cũng tả tơi “đồng bộ” với cái quần rách. Nước mắt ông Phúc chảy rất chậm trên mặt, ông nghẹn ngào cất tiếng:

- Thăng Sâm chết ở bệnh xá đêm qua rồi.

Tôi lặng người, mới hôm qua lên sang bệnh xá thăm, anh Tô Kiều Ngân ở trạm xá này cũng đến ngồi chơi. Tôi thấy Thục Vũ vẫn còn khỏe, vậy mà đêm qua đã ra đi. Sau đó, anh Tô Kiều Ngân nói với tôi lời an ủi đúng nhất, ngắn nhất và cũng bi thảm nhất: “Mừng cho nó, từ nay nó không còn biết đói rét và không ai hành hạ được nó nữa”.

(Văn Quang)

Tuổi già lơ mơ lỗ mỗ

Người già không muốn nhắc nhở đến ngày sinh nhật.
Họ mở báo đọc hay *tìm trang cáo phó* đọc trước

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Hoàng Cầm trở lại với Lá diêu bông

Tôi mãi mãi tôn vinh Hoàng Cầm, Văn Cao, những nghệ sĩ đã đốt pháo giao thừa cho mùa xuân thanh bình của dân tộc...Kể từ sau Nhân Văn Giai Phẩm, văn nghệ Hà Nội có gì? Thơ hết còn là thơ, nhạc hết còn là nhạc. Và văn chỉ là đất cục bỏ trên giấy trộn lẫn khẩu hiệu. Văn Cao ở lại mòn mỏi và chết dần, đến nay thì chết hẳn. Sau khi đê bẹp Nhân Văn Giai Phẩm, treo bút Hoàng Cầm, thơ chết, Tố Hữu múa gậy một mình. Nhà phê bình Hồ Ngọc đã phải than thở và nói thẳng mặt Nguyễn văn Linh: "Văn học ta nghèo nàn thảm hại như đất nước ta vậy!". Bởi tại "đảng *dùng dao mổ bò làm cỏ vườn nên nát hết cả hoa thơm.*"

Hoàng Cầm nhà thơ của dân tộc như bao nhiêu nhân tài khác bị dao mổ bò chém bổ, nhưng Hoàng Cầm vẫn còn sống, sống mãi, đi khắp bốn phương trời *với Lá diêu bông trên tay.*

(Xuân Vũ)

Ca dao tục ngữ hiện đại hiện thực

Đất lành chim đậu
Đất...nhậu chim thành...mồi

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Vũ Ngọc Phan với Nhà văn Hiện đại - 1

Những nhà văn tiền chiến không nói gì, không viết gì mà tôi biết ở Hà Nội là Vũ Ngọc Phan. Thăng như anh có viết ở đâu đấy mà tôi không được đọc thì chắc chắn là không phải Vũ Ngọc Phan trong *Nhà Văn Hiện Đại* mà tôi vừa đọc lại năm nay, 1998.

Các nghệ sĩ tiền chiến có thái độ lạnh lùng với chế độ hiện hẳn ra trên nét mặt, như tôi thấy là *Thế Lữ, Tú Mỡ, Nguyễn Xuân Khoát*. Còn ai nữa tôi không biết. Quyển *Nhà Văn Hiện Đại* là một quyển sách có giá trị đối với những người đã hoặc sẽ du nhập vào làng văn trận bút. Trong quyển này Vũ Ngọc Phan đã phê phán một cách công bằng và không nhân nhượng những khuyết điểm, vạch ra những chỗ yếu của các nhà văn từ lớp trẻ đến lớp già thời đó. Những ai không đọc tác phẩm của họ, đọc Vũ Ngọc Phan cũng biết được họ và yêu mến họ. Có thể nói Vũ Ngọc Phan là một nhà phê bình hiếm có, hoặc độc nhất của văn học Việt Nam từ thời Pháp thuộc cho đến nay ở trong nước cũng như ở ngoài nước.

Vũ Ngọc Phan có kiến thức rộng, và có tấm lòng yêu nhà văn mà ca ngợi hoặc chỉ cho họ những chỗ yếu chỗ mạnh. Phê bình đúng đắn giúp cho nhà văn tiến mạnh, phê bình tư vị, tăng bốc hoặc ve vuốt sẽ chẳng giúp gì cho nhà văn trái lại còn làm hại họ.

(Xuân Vũ)

Thành ngữ hiện đại, hiện thực

Bé cậy cha, già cậy... lương

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Vũ Ngọc Phan với Nhà văn Hiện đại - 2

Tôi chưa có ý định viết về Vũ Ngọc Phan nhưng khi sắp xếp các bài vở thì tôi tự hỏi: "Sao mình không viết về Vũ Ngọc Phan một nhà văn kỳ cựu cùng thời với Tô Hoài, Nguyễn Tuân, Nguyễn Hồng và là một người rất mực thước mà mình có quen, như một người lớn, chứ không phải một người bạn?"

Tôi xin nói về Vũ Ngọc Phan, nhà phê bình văn học Việt Nam, bằng hồi ức và qua bộ sách *Nhà Văn Hiện Đại*. Trước nhất về con người Vũ Ngọc Phan. Anh Phan người cao gầy, nước da trắng. Lúc tôi gặp thì anh đã ngoài năm mươi nhưng còn khỏe mạnh và phong độ. Có điều là anh cũng như Thế Lữ, Nguyễn Xuân Khoát, *không bao giờ tôi thấy anh cười*, hoặc *nói trước đám đông*. Gương mặt lạnh như tiền, như Nguyễn Bính mô tả người chị trong *Lỡ Bước Sang Ngang*:

Mười năm lòng lạnh như tiền

Máu tim đi hết cái duyên không về

Mười năm lòng những ủ ê.

Hay trong Kiều. "Ai tri âm đó mặn mà với ai."

Trong khi lũ trẻ hăng hái đi thực tế, tìm đề tài thì *Thế Lữ đứng đưng*; trong khi lũ trẻ in sách này truyện nọ thì Tú Mỡ vẫn ngày ngày tháng tháng làm công chức văn nghệ. "*Sáng vác ô đi tối vác về*". Tôi có hỏi xin bài cho báo Văn Nghệ, các cụ hứa cho qua và không bao giờ cho một chữ nào. Riêng cụ Thế Lữ thì bảo: "*Tôi còn đang chỉnh cái đầu!*". Chỉnh gì lâu vậy. Những mười năm ở Việt Bắc. Rồi mười năm ở Hà Nội mà chỉnh chưa xong rồi cho tới chết cũng chưa xong. Nói tóm lại *cụ Thế Lữ không có làm một bài thơ đăng báo từ 1945 cho tới ngày cụ mãn phần*.

(Xuân Vũ)

Thành ngữ hiện đại, hiện thực

Con hơn cha là nhà cũi lợn.

Giai thoại làng văn

Bài thơ "Cho một nhà văn nằm xuống" viết nhân cái chết của nhà văn Nguyễn Hồng của Trần Mạnh Hào (1982) bị phê phán kịch liệt. Võ Văn Kiệt, lúc ấy là Bí thư thành uỷ thành phố Sài Gòn, cho gọi Trần Mạnh Hào đến gặp. Trần Mạnh Hào rất sợ. Thế nhưng cảm giác sợ hãi ấy tiêu tan ngay khi ông nghe câu nói đầu tiên của Võ Văn Kiệt: "Hào à! Đù má...Mày làm cái gì mà dữ vậy?"

Trần Mạnh Hào giải thích: "Anh phải hiểu tính cách người Nam Bộ là thế. Sống với nhau trong cơ quan hay lúc sinh hoạt thường hay dùng câu ĐM kèm theo. Thân tình mới có câu ĐM. Còn đã gọi nhau bằng...*đồng chí* là...*có chuyện*". Nghe được lời mắng của anh Sáu (ông Kiệt) lại có kèm ĐM, tôi biết ngay là 'thoát'.

(Phạm Xuân Nguyên)

Viện Viễn đông Bác cổ

Ngay năm 1886, khi vừa được bổ nhiệm làm công sứ Trung-Bắc Kỳ, Paul Bert đã có ý tưởng thành lập Bắc kỳ Hàn lâm viện (Académie tonkinoise) nhằm tạo bầu không khí hữu hảo của người dân Bắc Kỳ với bảo hộ Pháp. Sau trở thành cơ sở cho các sáng lập viên của Viện Viễn đông Bác cổ.

Tiền thân của viện là Hội Nghiên cứu Khảo cổ Đông Dương (Mission archéologique d'Indo-Chine) được thành lập tại Sài Gòn năm 1898 với hai nhiệm vụ chính : khuyến khích các nhà nghiên cứu Pháp đến thực địa tại châu Á và bảo quản di sản văn hóa Đông Dương.

Năm 1900, theo quyết định của toàn quyền Paul Doumer, tên gọi và cơ cấu của hội được thay đổi, trở thành Viện Viễn đông Bác cổ. Quyết định này đánh dấu vai trò quan trọng của viện trong việc: “*Nghiên cứu và phổ biến kiến thức về lịch sử các công trình và chữ tượng hình* mà quá khứ còn xa xưa hơn lịch sử của chúng ta vẫn chưa tiết lộ hết những bí mật”.

(Thu Hằng)

Đi thì phải lột quần chồng sao đang?



Gia Long thống nhất sơn hà, lập nên triều Nguyễn, truyền được 13 đời vua. Kế tục sự nghiệp mở nước của Gia Long, Minh Mạng đã có công dẹp các vụ nổi loạn ở Bắc và Nam.

(Minh Mạng)

Về nội trị, vua chấn chỉnh thành một nước có kỷ cương, văn hiến. Trong việc bảo vệ phong tục, vua đã chạm đến tinh thần bảo thủ của người dân miền Bắc, tức là cấm đàn bà mặc váy:

Tháng sáu có chiếu vua ra
Cấm quần không đậy người ta hãi hùng
Không đi thì chợ không đông
Đi thì phải lột quần chồng sao đang?

(Ca dao lịch sử - Phương Nghi)

Họ Mạc đổi thành nhiều họ

Khi Trịnh Tùng chiếm được Thăng Long, Trung Hưng nhà Lê (1593), con cháu họ Mạc tẩu tán khắp nước, một số lên Cao Bằng, một số chạy vào Thanh Hóa, Nghệ An ẩn trốn, và một số vào Nam theo chúa Nguyễn.

Con cháu họ Mạc đổi ra rất nhiều họ khác nhau. Sách Thế phả ghi rõ là con của Mạc Đăng Doanh, em của Mạc Kính Điển là *Mạc Cảnh Huống* vào Nam theo Nguyễn Hoàng, sau *con là Mạc Cảnh Vinh đổi là Nguyễn Hữu Vinh*. Không những chỉ một họ Nguyễn, mà chắc chắn còn nhiều họ khác nữa.

(Những cuộc đổi họ lớn trong lịch sử - Trần Gia Phụng)

Hát đồng dao

Đồng dao là thơ ca dân gian truyền miệng của trẻ em. Đồng dao bao gồm nhiều loại: các bài hát, lời hát trong các trò chơi dân gian, thí dụ như:

Kéo cửa lừa xê
Ông thợ nào khỏe
Thì ăn cơm vua
Ông thợ nào thua
Về bú tí mẹ.

Hoặc giả như:

Xúc xắc xúc xê
Nhà nào còn đèn còn lửa
Mở cửa cho anh em chúng tôi vào?
Bước lên giường cao
Thấy đôi rồng thấp
Bước xuống giường thấp
Thấy đôi rồng châu...

Những cái cũ & xưa nhất của Saigon

Ngôi chùa cổ nhất



Ngôi chùa có cảnh trí đẹp nhưng nằm ở địa điểm không tiện đi lại nên được ít người biết đến là chùa Huê Nghiêm, tọa lạc ở một con đường nhỏ bên Thủ Đức.

Chùa được thành lập năm 1721 do tổ Thiệt Thùy khai sáng. Tên chùa lấy từ tên bộ kinh Hoa Nghiêm. Đây là chùa cổ xưa nhất trong các chùa ở miền Nam nên còn gọi là Huê Nghiêm Cổ Tự.

Qua nhiều lần trùng tu vào các năm 1960, 1969, 1990 mặt tiền chùa ngày nay mang dáng vẻ kiến trúc của chùa hiện đại nhưng các gian phía trong vẫn giữ nguyên kiến trúc cổ truyền, mái gian mặt tiền được cấu trúc gồm 3 lớp, nhô dần về phía trên. Mái lợp ngói ống màu đỏ, đường viền mái ngói màu xanh. Vườn chùa có nhiều cây xanh bóng mát, có 9 ngôi tháp cổ với nhiều kiểu dáng khác nhau như những cánh sen vươn lên. Những hàng cột gỗ trong chùa được khắc nổi các câu đối bằng chữ Hán màu đen kết hợp với việc chạm khắc mô típ “long ẩn vân” dùng trang trí.

Chùa là bằng chứng về kiến trúc và phong tục tập quán của người Việt trên vùng đất mới khai phá ở vùng đất hoang sơ.

Sài Gòn một chút quán xá

Quán cơm “Bà Cả Đọi”



Tuần qua, chúng tôi ghé quán cơm Đồng Nhân ở góc đường Lê Thánh Tôn – Trương Định Quận 1, Sài Gòn, mua thịt đông dưa chua, mới biết bà Cả đã qua đời. Người con gái lớn của bà Cả báo tin: “Bà mất 4 tháng rồi, chính xác là ngày 24 tháng 5 Âm lịch...” Bà Cả mất vì già yếu, năm nay bà đã 86 tuổi. Nhiều lần chúng tôi đi qua đường Tôn Thất Thiệp, gần khu Chợ Cũ, nhìn vào quán cơm Đồng Nhân ở đây, thấy bà Cả ngồi trong quán, vẻ già nua ốm yếu, người cháu đang đút cơm hay cháo gì đó cho bà ăn.

Từ nhiều năm, quán cơm bà Cả ở cuối ngõ hẻm số 53 đường Nguyễn Huệ đã ngừng hoạt động. Cũng từ nhiều năm, người con gái lớn của bà Cả mở quán cơm Đồng Nhân ở căn nhà phố góc đường Lê Thánh Tôn – Trương Định. Quán cơm Đồng Nhân ở đường Tôn Thất Thiệp do một người con trai bà Cả phụ trách. Quán cơm Đồng Nhân thứ ba ở con đường phía dưới chân cầu Thị Nghè cũng do một người con của bà đứng bán, quán ở nơi khuất vắng nên không nhiều khách nên đã ngừng hoạt động.

Cả 3 quán Đồng Nhân đều có bảng nhỏ ghi “Cơm Bà Cả,” danh hiệu quán Đồng Nhân là địa danh quê hương bản quán của bà Cả ở miền Bắc. Ông bà Cả sớm di cư vào Sài Gòn từ những năm 1950. Trong 2 quán cơm mang tên Đồng Nhân hiện nay, quán Đồng Nhân ở góc đường Lê Thánh Tôn – Trương Định đông khách hơn vì địa điểm thích hợp, thuận tiện cho khách để xe vào quán. Không những dân Sài Gòn hầu như đều biết quán cơm bà Cả, nhiều người miền Bắc vào Sài Gòn sau năm 1975 cũng nghe nói tới quán cơm bà Cả như một “đặc sản Sài Gòn.”

Quán cơm bà Cả là địa chỉ thân thuộc của chúng tôi từ những năm 1960. Từ lúc đó chúng tôi đã gọi quán cơm bà Cả là “Cơm Bà Cả Đọi.” Cái tên độc đáo này không biết đích xác do vị thực khách nào ăn cơm ở quán bà Cả đặt tên cho quán như vậy. Có người bảo là Huy Cường, diễn viên trong phim Xin Nhận Nơi Đây Là Quê Hương, đặt cái tên ấy. Có người lại bảo do *nhà văn Nguyễn Thụy Long, tác giả truyện Vác Ngà Voi, “sáng tác” cái tên để đời này.* Khi nghe tin bà Cả mất, với chút ngậm ngùi, chúng tôi nhớ câu thơ của Vũ Đình Liên trong bài thơ Ông Đồ:

[Những người muôn năm cũ / Hồn ở đâu bây giờ.](#)

(Quán cơm “Bà Cả Đợi” người muôn năm cũ – Nguyễn Đạt)

Nâng chén, cụng li, chạm cốc...

Cái chén

Cái *chén* chữ Hán là *trần*. Chữ Hán phân biệt 2 loại *trần* :

- Trần (bộ Mãnh) là chén nhỏ bằng sành, sứ hay đất nung.
- Trần (bộ Ngọc) là chén bằng ngọc.

Thông thường thì *chén* nhỏ hơn *bát*. *Chén* dùng để uống trà, uống rượu. Nhưng cũng có nơi quen gọi cái *bát* ăn cơm là cái *chén*. Có người dùng *bát* uống rượu thay *chén*.

Cái *chén* được văn thơ dùng rất nhiều. Thơ nôm của Nguyễn Trãi có 9 bài có *chén rượu*. Thơ Nguyễn Bình Khiêm cũng có 9 bài có *cái chén*. Truyện Kiều của Nguyễn Du đếm được 24 *cái chén*. Đủ loại theo nghĩa đen, nghĩa văn chương bóng bẩy

Cái bát, cái chén do chữ Phạn, chữ Hán mà ra được người Việt quen dùng từ lâu đời.

Sang thế kỉ XX, cái *chén* vẫn còn chiếm địa vị quan trọng trong văn học. Vũ Đình Long sáng tác vở kịch *Chén thuốc độc* (1921). Nguyễn Tuân viết *Chén trà trong sương sớm* (1940) v.v.

Nhưng cái *chén* bắt đầu bị cái *li*, cái *cốc* cạnh tranh.

Từ cuối thế kỷ XIX, xã hội Việt Nam được làm quen với một số đồ dùng bằng *thuỷ tinh* như chai, lọ, bóng đèn (thông phong), lọ mực Mọi người bảo nhau phải *trông mặt đặt tên* cho mấy sản phẩm "chất lượng cao" bằng *thuỷ tinh* mới lạ kia.

(Nguyễn Dư)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Chồng người đi ngược về xuôi

Chồng tôi ngồi bếp để... buổi chằm gio

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Đàn ông viết tình dục về đàn bà

Phái nam dựng truyện, cấu tạo người phụ nữ theo mắt nhìn và quan điểm của họ. Khi đề cập đến tình dục cũng vậy, *họ viết, nghĩ thay cho phái nữ*. Nhân vật nữ *được uốn nắn theo ý người viết* và được đưa *công thức “rên, thờ, sướng khoái”*. Pat Califia viết trong cuốn *Leatherdyke* của bà "Tôi rất chán khi phải đọc những tiểu thuyết của đàn ông viết đối trá. Đàn ông viết không thật về đời sống tình dục của chúng tôi".

Trong tiểu thuyết *Bếp lửa* viết vào thập niên trước 1975, Thanh Tâm Tuyền đã cho nhân vật nữ tên Hạnh tư duy theo lối suy nghĩ của một người đàn ông Việt Nam:

"...đã thổi vào máu Hạnh sự say đắm nhiệt tình trong yêu đương. Sau mỗi lần như thế khi lấy lại bình thường, Hạnh có vẻ ngưng ngừng. Có một lần nằm cạnh, Hạnh nắm tay tôi để lên ngực nàng và hỏi: “Anh có khinh em không?” (Thanh Tâm Tuyền, *Bếp lửa*)

Người phụ nữ trong tiểu thuyết của ông mang tâm trạng người con gái Việt Nam *lúc nào cũng sợ nhân vật nam khinh khi vì đã trót lỡ cho người nam chiếm đoạt và ăn nằm với mình* dù đã ân ái biết bao lần, dù đã nhiệt tình say đắm. Sự xem thường, coi rẻ người đàn bà đã hiển thân, lỡ cho đi cái quý nhất đời mình đã ăn sâu vào nhân vật nam cũng là hoá thân của tác giả nên tác giả đã cho Hạnh tư duy theo chiều hướng suy nghĩ của mình và khoác cho Hạnh tâm trạng mặc cảm mãi mãi bị ám ảnh. Vô hình chung, tác giả ngầm nhắc nhở người phụ nữ phải trở về vị trí của mình, *cái thân phận “nằm dưới”*.

(Sex: dưới mắt nhìn của người viết nữ – Trịnh Thanh Thủy)

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Trùng Dương

Trùng Dương của thập niên 70, trong *Chung cư*, đã cho Diệu, *hành động, tư duy như một người nữ*. Cái tôi của người phụ nữ trong tình dục được thể hiện qua hành động “*đòi nằm trên*”: “Diệu bảo: Em lên anh nhé?” (Trùng Dương, *Chung cư*)

Lê Thị Thắm Vân xác định rõ ràng hơn vị thế bình đẳng của người nữ trong việc chăn gối. Nhân vật của Thắm Vân không chịu khuất phục trước định mệnh và bản năng và sống đến tận cùng cảm giác đời mình.

”Lần làm tình thứ nhất, cô nhớ, ở phòng trọ nhà người bạn đi nghỉ hè, cô ra dấu bảo anh đòi tư thế, với vẻ triu mến của con mèo hoang, *cô ngồi lên người anh*. Làn sóng bụng anh nhấp nhô theo nhịp nhẩy hai bầu vú cô. Cô nhớ mãi *đôi mắt anh không giấu được sự kinh ngạc*. Đó là dấu hiệu mang dấu ấn tự quyết mà sau này liên hệ hai người quấn chặt bởi bao khoảng trống im lặng giằng co phức tạp. Và rồi tiếp những lần sau, nhiều năm sau, đôi ba lần cô vừa làm tình vừa khóc dữ dội trên người anh. Cô không cần giấu mặt, nước mắt rơi vãi thắm qua làn da cả hai. Chỉ với riêng anh, vài lần hiếm hoi để đời. Không cả với chồng, sau này. Trong tự điển đời em, em luôn cố gắng bôi xóa hai từ ngữ định mệnh và bản năng”. (Lê Thị Thắm Vân, *Âm vọng*)

(Sex: dưới mắt nhìn của người viết nữ – Trịnh Thanh Thủy)



Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Lâu nay bố nó vắng nhà
Muốn ấy một cái la cà sang đây

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Lê Thị Thắm Vân

Chỉ những người phụ nữ có cùng một cảm xúc, một cõi tư duy mới thông cảm, mới nói lên được nỗi chua xót, thống khổ, xót xa đau đớn của nạn nhân bị bạo hành. Sự đồng cảm giúp nhà văn nữ viết về đề tài nhạy cảm này thật và sống hơn. Như nữ sĩ Eve Ensler đã ghi lại kinh nghiệm đau thương của một phụ nữ Bosnian, người đã bị hiếp dâm trong số 70.000 phụ nữ bị hiếp dâm trong cuộc chiến Bosnia.

Như Thắm Vân kể lại cho chúng ta nghe, một cảnh hiếp dâm:

”Cả cái may-ô trắng, hấn nhét tọng vào mồm má... Má cổ giấy giụa dưới cánh tay hấn. Bóng tối đặc lênh dù trời sáng trưng. Hấn nhấc bổng người má, tấn mạnh vào tường, nghe một tiếng to đùng. Má ngất nửa thân dưới. Hấn khóa tréo hai tay má ra đằng sau. Tắm thân hấn là lò lửa. Con trâu điên biết chính xác hành động Muốn gì. Cái may-ô hấn tọng trong mồm làm má nghệt thờ. Má thấy mình đang bị ai thấy xuống vực thẳm từ đỉnh trời. Hàng trăm triệu vòng tròn xoay tít trong tròng mắt.

Hấn như cọp say máu, xé toạc má bởi cơn điên loạn, tọng cái vật gì cứng như khúc củi khô vào háng má, sâu thấu tận đỉnh óc. Đớn đau má hét. Cơn đau bùng lên theo từng cái thốc người của hấn, mạnh bạo và liên tục. Hấn nhai nát hai đầu vú má. Hơi thở hấn như sấm rầm. Má cố cắn cào cấu. Hai chân má dẩy đành đạch.

Giờ đây, mỗi khi đi tiểu hay đi cầu, là Võ Thị Gái nghĩ ngay đến *khúc củi dài, khô, cứng, đầu nhọn hoắc thọc sâu vào lỗ-đít*. Ôi đau đến dường-nào. (Lê Thị Thắm Vân, *Bóng gầy của thân tích*)

(Sex: dưới mắt nhìn của người viết nữ – Trịnh Thanh Thủy)

Văn hoá chữ

Bộ phận sinh dục nam là yếu tố hầu như duy nhất xác định tính đực của nam giới. Mắt nó, dù đẹp trai đến mấy, lực lưỡng đến mấy, dù râu ria rậm rạp đến mấy, người ta cũng không còn là đàn ông nữa. Nói theo Sigmund Freud, nỗi lo lắng bị thiếu hoạn (castration anxiety) trở thành một nét đặc trưng trong tâm lý nam giới, và hơn nữa, của con người nói chung; mặt khác, họ lại hết sức tự hào về nó: với nó, người ta được xem là có nam tính, một cái gì khác với nữ giới, hơn nữa, cũng lại nói theo ngôn ngữ của Freud, còn là điều làm cho phái nữ phải “ghen tị” (penis envy). Ở dạng rút gọn nhất, có thể định nghĩa: đàn ông = con cặc.

Đó là lý do tại sao ngày xưa, ở Trung Hoa, một trong những hình phạt nặng nề nhất là... thiến; và cho đến tận ngày nay, ở Việt Nam, một trong những lời rủa độc địa nhất và quen thuộc nhất là bị *chó ăn mắt cu* hay bị *gà mổ mắt dái*.

Đó cũng là lý do tại sao, cho đến bây giờ, ở nhiều bộ lạc, bọn đàn ông vẫn còn trông bộ phận sinh dục của họ vào những cái ống được trang trí thật lộng lẫy rồi treo ngược lên trên bụng như một biểu tượng của quyền lực.

Ví dụ hai câu rủa trích từ cuốn *Ngôn Ngữ và Thân Xác* của Nguyễn Văn Trung; tr. 138: “*Me mày, cả nhà mày ra đường bị gà nó mổ mắt dái từ già đến trẻ*” - “*Con khi trừ, chó nó ăn mắt cu, chết đi thành con ma trôi bay dọc đường xó chợ.*”

(Nguyễn Hưng Quốc)

Thành ngữ xuất xứ từ thơ cổ và điển cố - 1

Nghiêng nước nghiêng thành

Thành ngữ “倾国倾城” [khuyneh quốc khuyneh thành] có nguồn gốc từ bài “Giai nhân ca” (佳人歌) của Lý Diên Niên (李延年). Chuyện rằng, vua Vũ Đế đời Hán có một người hầu tên là Lý Diên Niên, anh ta rất giỏi múa hát và thông hiểu âm luật, được nhà vua yêu mến, cưng chiều. Nhà vua cho xây cung điện Minh Quang và tuyển chọn những người con gái đẹp tuổi từ 15 trở lên vào cung để hầu hạ vua. Trong cung có tới gần 10 ngàn mỹ nữ nhưng vua vẫn chưa thấy ai đẹp như ý và thường lắc đầu than thở: Đời nay thiên hạ không có giai nhân tuyệt sắc! Một hôm, Lý Diên Niên múa hát mua vui cho nhà vua xem. Lí hát rằng:

Bắc phương hữu giai nhân,

Tuyệt thế nhi độc lập.

Nhất cổ khuyneh nhân thành,

Tái cổ khuyneh nhân quốc.

Ninh bất tri, khuyneh thành dữ khuyneh quốc,

Giai nhân nan tái đắc.

(Dịch nghĩa: Ở phương Bắc có một người đẹp, đẹp nhất đời mà đứng riêng một mình. Quay đầu lại một lần thì làm nghiêng thành trì của người ta, quay đầu lại nhìn lần nữa thì làm nghiêng nước người ta, thà chẳng biết nghiêng nước với nghiêng thành, chỉ biết là người đẹp thì khó gặp.)

Chị của vua Vũ Đế là Bình Dương công chúa đứng hầu bên cạnh bên tâu: “Lý Diên Niên có một người em gái giỏi múa hát và đẹp tuyệt trần như trong bài ca đó”. Nhà vua cho vời người đẹp vào cung, xem mặt. Quả nhiên nhà vua bỗng xao xuyến, khi nhìn thấy nàng mỹ nữ nhan sắc tuyệt trần, yêu kiều, diễm lệ. Vua liền phong nàng làm làm chánh cung hoàng hậu và ngày đêm si mê, đắm đuối bên nàng. Từ đó xuất hiện thành ngữ “倾国倾城” [khuyneh quốc khuyneh thành] (nghiêng nước nghiêng thành) để chỉ người con gái đẹp.

Trong tiếng Việt, “nghiêng nước nghiêng thành” cũng được sử dụng với ý nghĩa như vậy trong kiệt tác “Truyện Kiều”, Nguyễn Du đã tả sắc đẹp của nàng Kiều:

Một hai *ngiên nước nghiêng thành*
Sắc đành họa một tài đành họa hai.

(Nguyễn Ngọc Kiên)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Theo “Tự điển tiếng Việt dành cho học sinh” ở Hà Nội:

Bia: là *tám đá khắc tên ngày giờ chết trước mả*

Thành ngữ xuất xứ từ thơ cổ và điển cố - 2

Chuồn chuồn đập nước

Ông Đỗ Phủ (杜甫) là người làm thơ nổi tiếng đời Đường. Hầu hết mọi đều biết tới ông qua câu thơ nổi tiếng “*人生七十古來稀*” [Nhân sinh thất thập cổ lai hi] (Người thọ bảy mươi xưa nay hiếm) trong bài “*Khúc giang*” (曲江) có câu thơ qua của Khương Hữu Dụng:

Áo châu tan buổi cời cầm tay,
Hàng bữa đầu sông về khướt say.
Nợ rượu tầm thường đâu chẳng có,
Người đời bảy chục mấy xưa nay.
Luồn hoa bướm bướm chen chen lượn,
Điểm nước chuồn chuồn thoáng thoáng bay.
Quang cảnh, nhẩn cho thường biến đổi,
Tạm vui xuân với, kéo e hoài.

Bài thơ này là xuất xứ của thành ngữ tiếng Hán “*蜻蜓點水*” (chuồn chuồn đập nước). Thành ngữ này có nghĩa bóng: làm ăn hời hợt, chiếu lệ.

(Nguyễn Ngọc Kiên)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

bàng quang 膀胱

bàng là bọng đái, và quang cũng là bọng đái.

Cả hai từ tố *bàng* và *quang* đều không có nghĩa là *bọng đái*. Chỉ khi *chúng đi đôi với nhau* để tạo thành từ *bàng quang* mới có nghĩa là *bọng đái*. Soạn giả vốn là bậc đại tài trong nghề nói mò, nên đã đoán liều rằng, bàng là bọng đái, và quang cũng là bọng đái. Quả là “điếc không sợ súng”.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Tục ngữ, thành ngữ

Nuôi ong tay áo

Câu nói *Nuôi ong tay áo* ngắn gọn, đầy đủ ý nghĩa. Nhiều người lại muốn kéo dài hơn :

- *Nuôi ong tay áo, nuôi khi dòm nhà* (Nguyễn Lực).
- *Nuôi ong tay áo, ấp rắn vào ngực* (Lương Văn Đang)
- *Nuôi ong tay áo, nuôi cáo trong nhà* (TL).

(Nguyễn Dư)

Tụ

Tụ : *bọn*
(*tụ nó* với nhau)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Nhất tướng công thành vạn cốt khô

Nhiều người hiểu "*công thành*" ở đây là "*tấn công*" một cái thành để hiểu sai thành ngữ trên là "*một ông tướng mà tấn công thành thì tổn vạn xương cốt*".

Thực ra "*công thành*" ở đây là "*thành công*". Vì vậy câu trên nên hiểu là "*một ông tướng thành công thì hàng vạn quân lính phải vong thân, xương cốt chết thành đống*".

(Duy Lý – báo Tự Do)

Chữ Việt cổ

Tràng ốc: *tràng học* (trường học)

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Cửa)

Chữ là nghĩa

Chùa nhỏ nơi hẻo lánh chân núi hay cửa rừng thường gọi là *am*.

Người ta hay xây am ở *bên cạnh nghĩa địa* để thờ vong hồn, gọi là chùa Âm hồn hay *Am chúng sinh*.

Mắm còng

Mắm còng rất nổi tiếng ở Cần Giuộc và Gò Công. Còng cũng giống như *con ba khía* vùng biển Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau nhưng còng bò rất nhanh...nhanh như *còng gió*.

Còng gió: loại còng nhỏ con, chân dài, bò lỏng khỏng. Anh chàng hay cô nàng nào gầy hom, cao lêu khêu, gọi là tường còng gió .

Còng quều chỉ người tay dài có cử chỉ vụng về . *Còng ma* chỉ người thấy đó, mắt đó như ma vậy.

Còng có cái mình lớn, nhiều thịt, chân càng ngắn và có thịt hơn *ba khía* nên rang muối ăn ngon

Nghệ thuật chơi chữ trong ca dao

Từ điển thuật ngữ văn học gọi chơi chữ là "lộng ngữ" và giải thích là một biện pháp tu từ có đặc điểm: người sáng tác sử dụng những chỗ giống nhau về ngữ âm, ngữ nghĩa, văn tự, văn cảnh để tạo ra sự bất ngờ thú vị trong cách hiểu, trong dòng liên tưởng của người, người nghe.

Các hình thức của lộng ngữ rất phong phú, trong đó có:*nói lái, dùng từ đồng âm hoặc gần âm, dùng từ gần nghĩa, tách một từ thành các từ khác nhau.*

Việc dùng từ trái nghĩa trong cùng một câu thơ, cũng là một hiện tượng chơi chữ của dân gian:

*Bánh cả thúng sao gọi là bánh ít
Trầu cả khay sao dám gọi trầu không.*

(Trần Minh Thương - Nghệ thuật chơi chữ trong ca dao Việt Nam)

Chữ mất gà

Tổ cha mày
Cái đĩa đen lòng xanh cật
Mặt sấp mo nang
Rình ngang rình ngửa
Bắt gà của bà

Ở nhà bà
Nó là gà xương gà thịt
Về nhà mày
Nó là thần nanh xanh, mỏ đỏ
Nó mổ mắt mày

Ở nhà bà
Nó là gà gấm gà hoa
Sang nhà mày
Nó là ác cầm ác thú
là cú là cáo
là báo là hổ
Vồ cả nhà mày
Giày cả nhà mày.

(Khuyết danh)

148 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Tình yêu trong thơ Phạm Thiên Thư thánh thiện, nhẹ nhàng và kín đáo. Chút bẽn lẽn, khẽ chạm mà không dám “tay trong tay” vì sợ tình sẽ tan biến thành khói sương. Hoàng Thị Ngọc trong bài thơ "Ngày xưa Hoàng Thị" chỉ là kỷ niệm, một mối tình thoáng nhẹ vu vơ. Theo lời nhà thơ Phạm Thiên Thư tâm sự :

- “Tôi vẫn *nhớ căn nhà những ngày ấy, đó là một căn nhà nhỏ nằm đằng sau chợ Tân Định*. Cha tôi xin cho tôi học tại trường trung học Văn Hiến cách nhà không xa. Tôi đã học hết tú tài ở đó. Cũng trong những năm học này, tôi để ý một cô bạn học cùng lớp tên là *Hoàng Thị Ngọc, cô gái đó quê gốc Hải Dương*, ở gần nhà. Nhưng chỉ là để ý thôi chứ không dám ngỏ lời.

“Hàng ngày, khi xếp hàng vào lớp, cô gái đứng ở đầu hàng bên nữ, nổi bật với mái tóc dài xoã trên bờ vai mảnh dẻ. Tôi chỉ im lặng ngắm nhìn. Rồi khi tan trường, cô gái một mình trên đường về nhà, tôi lại là kẻ lẻo đẻo theo sau.

“Cô ấy ôm cặp đi trước còn tôi theo sau nhưng không dám lên tiếng. Trong bóng chiều tà, ánh nắng hắt qua hàng cây, cô ấy lặng lẽ bước, gây cho tôi những cảm xúc băng khuâng khó tả. Cứ thế, tôi chỉ biết lặng lẽ đi theo sau cô ấy hàng ngày, giấu kín những cảm xúc của mình không cho bất cứ ai biết...”.

Những năm sau này, mỗi khi đi ngang lại con đường của một thuở yêu đương, hình ảnh cô gái với mái tóc xoã ngang vai lại hiện về trong ông:

Em tan trường về
Đường mưa nhỏ nhỏ
Chim non giấu mỏ
Dưới cội hoa vàng

Giờ đây, Hoàng Thị Ngọc đã định cư ở Mỹ. Hơn 50 năm, nơi phương trời xa xôi, cô nữ sinh ngày ấy có còn nhớ...

Tìm xưa quần quanh
Ai mang bụi đỏ
Dáng em nhỏ nhỏ
Trong cõi xa vời
Tình ơi! Tình ơi!

(“Hoàng thị...” của Phạm Thiên Thư – Nguyễn Việt)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Dây tơ hồng...quần quanh chuồng lợn
Tình chúng mình có tợn quá không em

Đã có một thời...

Thanh Nam

Khi đó Thanh Nam làm việc ở Đài Phát Thanh Quân Đội với ông Vũ Quang Ninh và Huy Quang. Vũ Đức Vinh cùng một lô các nghệ sĩ nổi tiếng như Đan Thọ, Anh Ngọc, Vũ Huyền, Nhật Bằng... Công việc của anh là biên tập viên, có lẽ anh phải làm đầu bếp, “nấu nướng” đủ các món hầm bà làng từ tin tức đến bình luận, phóng sự và những chương trình ca nhạc. Ngoài ra trong chương trình phát thanh “Tao Đàn” trên đài phát thanh Sài Gòn, do cố thi sĩ Đinh Hùng phụ trách cũng có Thanh Nam.

Hồi đó ba chàng nghệ sĩ Thanh Nam, Thái Thủy, Hoàng Thư thường thuê nhà ở chung. Từ ngõ Phan Văn Trị, đến con hẻm bên rạp Quốc Thanh và cuối cùng là building Cửu Long nằm trên đường Hai Bà Trưng. Cả ba ông nghệ sĩ nổi tiếng này chỉ có một căn phòng hẹp tẻo, chiều ngang chừng 2m, vừa đủ kê một chiếc giường cá nhân và một lối đi. Thường là các ông ấy chia phen nhau, một anh nằm trên giường, hai anh nằm dưới sàn nhà.

(Thanh Nam trong hoài niệm – Văn Quang)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Nàng thủ thi, tháng này em chưa có.
Chàng mới nghe, muốn cuốn vó chạy cho rồi

Đã có một thời...

Nhà thơ Tô Kiều Ngân từ đời lính đến Tao Đàn

Đám tang Thục Vũ, hình ảnh bi thảm nhất trong cuộc đời chúng tôi. Vào buổi chiều năm 1977, khi đồi núi Sơn La bắt đầu chạng vạng, chúng tôi đang làm những công việc cuối cùng ở vườn rau thì bất chợt nhìn sang lối ra từ bệnh xá một khung cảnh hết sức đau lòng. Trên con đường đá cũ nhỏ, vòng theo sườn núi cao vút chập chùng, cách vườn rau là cái ao, đám tang bắt đầu di chuyển chậm chạp. Hai anh cai tù vác súng AK đi đầu, theo sau là một anh tù cầm vại nén nhang, đến 4 anh tù khiêng cỗ quan tài mộc. Suốt con đường dài âm u đó, chỉ có đám người ấy lặng lẽ chuyển động như những bóng ma.

Ở vùng đồi núi bóng tối đổ xuống rất nhanh, mang theo sương mù mỏng dăng ngang triền dốc dựng đứng như những bức tường đá của nhà giam. Chúng tôi biết chắc đó là đám ma Vũ Văn Sâm tức nhạc sĩ Thục Vũ. Tất cả hơn ba chục tù nhân trong đội rau đứng ngẩn ra, dán mắt nhìn theo cái đám ma thê thảm ấy. Ông Phan Lạc Phúc, đến bên tôi, không nói lời nào, quay mặt đi giấu nước mắt. Nhìn sang phía bên trạm xá, Tô Kiều Ngân đứng sau hàng rào kẽm gai cũng ngơ ngẩn. Ngân vẫy tay cho tôi và anh Phan Lạc Phúc chẳng biết để làm gì. Là một sự cảm thông tận cùng hay nói lời từ biệt.

Tất cả đứng như tượng gỗ dôi theo đám tang đi trong buổi hoàng hôn lạnh ngắt, dần khuất vào cuối con đường cong phía chân núi. Sương mù bắt đầu tỏa xuống. Hình ảnh đám ma Thục Vũ còn in đậm trong tâm khảm chúng tôi cho đến bây giờ. Tôi chắc anh Tô Kiều Ngân, đến cuối đời cũng chưa quên được hình ảnh này. Nó trở thành những kỷ niệm rất riêng nhưng cũng lại rất chung của những ai đã từng sống qua những cái được gọi là “trại cải tạo”.

(Văn Quang)

Ca dao tục ngữ hiện đại hiện thực

Cá không ăn muối cá ươn
Chồng cãi lại vợ trăm đường thiệt thua

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Vũ Ngọc Phan với Nguyễn Tuân

Đây tôi xin nêu tiếp vài nét phê bình của Vũ Tiên Sinh đối với một số nhà văn, như Nguyễn Tuân - Ông là một nhà văn đứng hẳn ra một phái riêng. Đọc *Vang Bóng Một Thời* của ông, người ta có cảm tưởng đứng trước một bức cổ họa... Tác giả *Vang Bóng Một Thời* là người khơi lại đồng tro tàn của dĩ vãng để bày lại trước mắt ta những cái ta đã biết qua hay cái ta chưa hiểu rõ.

Muốn thường thức lối văn tả cảnh tuyệt khéo của Nguyễn Tuân, phải đọc *Những Ngọn Đèn Xanh* trong *Tùy bút*. Còn muốn biết cái giọng khinh bạc của ông hãy đọc *Những Ngày Thanh Hóa*.

Sau khi khen ngợi Nguyễn Tuân hết lời, Vũ Tiên Sinh hạ bút về quyển *Thiếu Quê Hương* của Nguyễn Tuân như sau: *Thiếu Quê Hương* là *một tập truyện không gọi được sự ham mê của người đọc, nó chỉ là một tiểu thuyết ngắn dài dòng không đủ cốt cách để là một truyện dài vững chãi*.

Người ta thường hay nói đến cái lời thôi, cái dài dòng của Nguyễn Tuân, nhưng người ta không nhớ rằng *Marcel Prévost và Tourguéneff còn dài dòng hơn nhiều mà đó chính là những sự diễn tả thành thực của tâm hồn*.

(Xuân Vũ)

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Vũ Ngọc Phan với Hồ Biểu Chánh và Hoàng Ngọc Phách

Sau đây là những dòng của Vũ Ngọc Phan viết về *Hồ Biểu Chánh* và *Hoàng Ngọc Phách*, hai tiểu thuyết gia tiên phong của miền Nam và đất Bắc vào khoảng 1920-30:

Về đường lý tưởng tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh cũng như tiểu thuyết Hoàng Ngọc Phách nghĩa là cả hai nhà văn này đều lấy luân lý làm gốc, lấy cổ gia đình làm khuôn mẫu, lấy sự trọng hậu làm điều cốt yếu trong mọi việc ở đời. Nhưng tiểu thuyết họ Hồ khác tiểu thuyết họ Hoàng về mấy phương diện. Tiểu thuyết họ Hoàng *thiên về tả tình và giọng văn nhiều chỗ ủy mị, cầu kỳ, không tự nhiên*, còn tiểu thuyết của họ Hồ thì thiên về tả việc và *lời văn mạnh mẽ, giản dị, nhiều chỗ như lời nói thường*.

Thật thế, tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh là những tiểu thuyết đầy động tác, *việc nọ việc kia dồn dập, gây cho người đọc những cảm tưởng kỳ thú*. Nếu đọc tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh mà *lại chê kém mặt tả tình và về tưởng tượng không được dồi dào thì thật là không biết xét nhận*. Tính tình của người ta *biểu lộ ở lời nói* đã đành, còn biểu lộ ra ở cả mọi sự hành động nữa, mà biểu lộ ra hành động mới thật đầy đủ, mới thật là những tính tình đã trải qua những thời kỳ. Về đường tâm lý, nếu tính tình cùng tư tưởng chỉ diễn ra được đến lời nói là cùng.

Bởi vậy qua một thời kỳ chọn lọc ý kiến cùng tư tưởng qua một thời kỳ suy nghĩ, qua một thời kỳ dự định, phải đến một thời kỳ hành động mới được. *Một thiên tiểu thuyết mà động tác dồn dập bao giờ cũng là một thiên tiểu thuyết kỳ thú.*

(Xuân Vũ)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Theo “Tự điển tiếng Việt dành cho học sinh” ở Hà Nội (Vũ Chát):

Quần giáo: *Người coi một giáo đường hay tu viện*

Vũ Ngọc Phan và Nhà văn hiện đại - 1

Quan niệm phê bình của Vũ Ngọc Phan chỉ hạn chế về *văn chương, về kỹ thuật viết văn* mà không xử dụng những yếu tố khác như tâm lý, tiểu sử, hoàn cảnh xã hội, hoàn cảnh nhà văn đang sống trong việc giải thích và phê bình.

Phương pháp trong *Nhà văn hiện đại*, ông chú trọng vào việc phê phán câu văn viết đúng hay sai văn phạm, sự quan sát tinh vi hay sơ sài hơi hợt, cốt truyện hay hoặc dở, cách thức kết cấu và sự mô tả khéo léo hay vụng về...

(Trần Bích San – Văn Khảo)

Câu đố dân gian

Chân đạp miền thanh địa,
Đầu đội mũ bình thiên;
Mình thì bận áo mã tiên,
Ban ngày đôi ba vợ, tối nằm riêng kêu trời
(con gà trống)

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Vũ Ngọc Phan với *Nhà văn Hiện đại* - 2



Nhà Văn Hiện Đại của Vũ Ngọc Phan gồm ba quyển 1266 trang, ông viết tại Vũ gia trang, ấp Thái Hà năm 1941. Tôi có đến ấp Thái Hà nhiều lần. Ở đây có Gò Đống Đa, đền thờ Sầm Nghi Đống và thái ấp của Phó Vương Hoàng Cao Khải.

Trong bộ sách này, Vũ Ngọc Phan phê phán hầu hết tất cả các nhà văn đương thời. Gồm có các nhà biên khảo, tiểu thuyết gia, thi sĩ, các nhà văn viết bút ký, các tiểu thuyết gia tả chân, tiểu thuyết gia trinh thám. - Mở đầu quyển I, ông nói về Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Văn Vĩnh... Cuối sách: Ngọc Giao, Thụy An, Phạm Cao Củng - Tất cả trên một trăm nhà văn nhà thơ. Một công trình đồ sộ trong đó ông đồ không biết bao nhiêu tâm lực.

Nói về tác phẩm đồ sộ này, tôi không có khả năng, còn thuật lại từng trang một là một *mission impossible* đối với tôi. Cho nên ở đây tôi chỉ nói qua một nét về ngòi bút phê bình của Vũ Ngọc Phan. Từ khi có cái gọi là văn học cách mạng do đảng cộng sản lãnh đạo các nhà "phê bình" mới viết bài theo chánh sách (Trần Văn Giàu gọi là *Định đề*, tức là nói lòng vòng một hồi rồi cũng kết luận là đảng đúng, không có sai lầm).

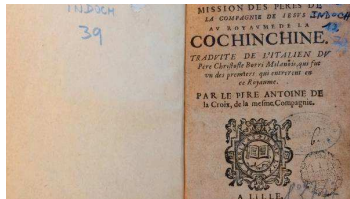
(Xuân Vũ)

Viện Viễn đông Bác cổ

Từ năm 1902, trụ sở của viện được chuyển ra Hà Nội với các nhiệm vụ chính: *Thăm dò khảo cổ học*, sưu tập bản thảo, bảo tồn các công trình, nhân chủng học các tộc người, *nghiên cứu di sản ngôn ngữ, lịch sử các nền văn minh phương Đông*.

Một thư viện và một viện bảo tàng được thành lập là kho dữ liệu của các nhà nghiên cứu của Viện Viễn đông Bác cổ.

Toàn quyền Đông Dương cho biết về kho sách quý giá này : “Thư viện của Viện Viễn đông Bác cổ ngày càng phong phú hơn nhờ 100 tập sách do Quốc sử quán (triều Nguyễn) in ấn và được hoàng đế An Nam trao tặng. Ngoài ra, còn có rất nhiều tác phẩm đến từ Trung Quốc và các bản sao chép tác phẩm quý hiếm của Việt Nam nhờ các vị quan hay nho sĩ cho mượn. Vì vậy, có thể nói đây là thư viện về nghiên cứu Đông phương đầy đủ nhất”.



Bìa cuốn sách *Mối quan hệ của phái đoàn các Cha dòng Tên với Vương quốc Nam Kỳ*, xuất bản năm 1631, EFEO, Paris.RFI / Tiếng Việt

(Thu Hằng)

Đền thánh Mẫu

Trong “Thượng kinh ký sự” của Lê Hữu Trác, có kể chuyện trên đường từ Thanh Hóa đến Thăng Long vào năm 1781:

“Buổi chiều đến nghỉ ở trạm xá Kim Khê (gọi là quán Me). Quan Văn thư làm lễ, vào yết kiến trong miếu của xã ấy, bày ra một tiệc hát và mời tôi cùng dự. Bấy giờ thánh Mẫu đang nhập vào Cô Đồng. Cô ta đang ngồi lắc lư và đang nói. Có người bảo tôi:

- Thánh Mẫu linh thiêng lắm, báo ứng không sai điều nào. Cụ lần này lên kinh có muốn cầu gì thì lại mà cầu.

Tôi nói:

- Có mong được gì thì mới cầu chứ! Tôi đã không mong được gì, vậy cầu để làm gì?

Cô Đồng nghe nói mỉm cười. Quan Văn Thư nhìn tôi cười khanh khách. Nửa đêm tiệc tan mọi người về trạm nghỉ.

Ông Maurice Durand còn trích dẫn một đoạn văn của Tavernier đăng trong Tạp chí Đông Dương 1909, trang 50 (Revue Indochinoise) nói về Bà Cốt ở thời nhà Lê như sau:

“Bà phù thủy mà người Bắc Việt đến hỏi han gọi là Bà cốt...”.

(Tục lên đồng với triết lý lên đồng – Nguyễn Đăng Thực)

Xóm Gà

Xóm Gà còn là nơi lai vãng của văn, thi sĩ, nhà báo tên tuổi ngày xưa như Tân Đà, Phan Khôi, Ngô Tất Tố, Tế Xuyên. Trong những ngày tháng “rong chơi” Sài Gòn, Xóm Gà cũng là nơi *Trung niên thi sĩ* (Bùi Giáng) đã dạo qua:

Ngoại ô

Sài Gòn bắt tận ngoại ô

Xóm Gà Bình Thạnh xóm mô Chuông Bò

Ghé thăm Chuông Ngựa quanh co

Chạy về thẳng tấp viếng chùa Già Lam.

Năm 2001, địa danh Xóm Gà được nhắc tới lần nữa trong tập truyện *Sài Gòn vang bóng* của Phan Thứ Lang. Đó là bài “Xóm Gà – vùng đất của mấy tay anh chị thời xưa” và bài *“Thi sĩ Tân Đà đóng Cinéma ở Xóm Gà”*.

Từ 1975 trở về trước nửa đầu thế kỷ, người xưa trong xóm mà Vương Hồng Sển gọi là người Sài Gòn xưa. Họ ra đi khắp bốn phương trời rồi kể đến muôn phương, nhà cất lên san sát, không trật tự, đổi đời, nhưng dù sao những ngôi chùa vẫn còn đó để chứng kiến bao nhiêu chuyện đổi thay.

(Y Nguyên-Mai Trần)

Hát chèo

Thái Bình là một trong những cái nôi của những làn điệu hát chèo. Tiêu biểu nhất là chèo làng Khuốc là dòng chèo đặc trưng của địa phương: Làng Khuốc nay là xã Phong Châu, huyện Đông Hưng, cùng với Hà Xá (Hưng Hà) và Sáo Diên (Vũ Thư) là những chiếng chèo nổi tiếng của Thái Bình.

Đầu thế kỷ thứ 19, có lúc trong làng có đến 15 gánh hát chèo. Chèo diễn quanh năm suốt tháng, không chỉ được biểu diễn ở trong làng mà gánh hát chèo còn đi đến các vùng khác. Trong tổng số 151 làn điệu và ca khúc chèo thì riêng các phường chèo Thái Bình đã chiếm 30 ca khúc và bốn kiểu hát nói. Trong số 155 nghệ sĩ chèo là người Thái Bình trong các đoàn chèo cả nước thì riêng làng Khuốc có 50 người.

(nguồn: ttvhq5.com.vn)

Xẩm

Các cụ kể rằng, cuối đời Trần, vua cha sinh hạ được hai hoàng tử là Trần Quốc Toản và Trần Quốc Đĩnh, vua không biết nhường ngôi cho ai, nên truyền lệnh cho hai hoàng tử lên rừng tìm ngọc quý, ai đem về trước sẽ được nối ngôi vua. Đĩnh đã tìm được viên ngọc quý. Nhưng rồi với lòng gian tham đố kỵ, Toản bèn lừa lúc Đĩnh ngủ say, rút gươm chọc mù hai mắt Đĩnh rồi cướp lấy ngọc đem về. Đĩnh đã lần mò trong rừng quạng được sợi dây rừng, tước nhỏ, se lại, Đĩnh buộc vào cây song mây hình cánh cung để làm đàn và cất lên những khúc nhạc lòng ai oán. Những người sơn tràng nghe thấy, liền đưa chàng ra khỏi rừng.

Từ đó, hàng ngày hoàng tử Đĩnh lần mò ra xóm chợ kiếm sống bằng lời ca, tiếng đàn của mình. Tiếng đồn về những khúc nhạc của người nghệ sĩ mù dần vang xa, lan mãi đến tận kinh thành và tới tai nhà vua... Nhờ đó mà vua cha đã tìm được Đĩnh và trừng trị Toản. *Nghệ thuật hát xẩm nước Nam ta bắt đầu từ đây.*

Trong truyền thuyết về tổ nghề cũng như trong hiện thực, hát xẩm vốn là một loại hình nghệ thuật âm nhạc của những nghệ sĩ hát rong, là những người khiếm thị. “Xẩm” vừa là tên gọi của thể loại, đồng thời cũng là tên gọi của những nghệ sĩ hành nghề, như anh xẩm, chị xẩm hay bác xẩm...



Trong những đồ nghề bất ly thân của mỗi nhóm xẩm, bao giờ cũng có *một chiếc chậu đồng thau.*

(Âm nhạc dân tộc – Bùi Trọng Hiên)

Văn hoá chữ

Trong nghệ thuật cổ đại và trung đại, từ hội họa đến điêu khắc, trong khi hình ảnh khoả thân của phụ nữ xuất hiện tương đối muộn và thường gắn liền với cái nhìn mang dục tính; hình ảnh khoả thân của nam giới xuất hiện rất sớm, được xem là biểu tượng của sự sinh sản, của cái đẹp và nhất là của hùng tính.

Để bảo vệ hùng tính như một đặc quyền của nam giới, các nghệ sĩ ngày xưa đã tước đoạt của nữ giới một điều mà trên thực tế họ cũng sở hữu: *lông.* Trong hầu hết *các bức tranh phụ nữ*

khỏa thân thời trước, bộ phận sinh dục bao giờ cũng trắng ngần, trong veo, như là ngọc, tuyệt không một sợi lông.

Tại sao? Tại người ta cho lông lá là thuộc tính của phái nam. Nam tính, hùng tính, do đó, đồng nghĩa với quyền lực.

Theo một số nhà hậu cấu trúc luận, đặc biệt các nhà nữ quyền, cả nền văn minh Tây phương được xây dựng trên một cột trụ chính: dương vật. Người ta gọi đó là một thứ chủ nghĩa duy dương vật (phallocentrism), ở đó, dương vật được xem như là một quyền lực, một trung tâm, một chuẩn mực, một thứ hệ quy chiếu được dùng để đo lường và đánh giá mọi sự vật và hiện tượng khác.

Theo cách nhìn duy dương vật, loài người là những kẻ có... dương vật (bởi vậy “man”, đàn ông, mới đồng nghĩa với nhân loại nói chung, “mankind”); phụ nữ bị xem là những kẻ khuyết dương vật, nói theo chữ của Simon de Beauvoir, chỉ là “giống thứ hai”.

(Nguồn: Nguyễn Hưng Quốc)

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Đàn ông viết tình dục về đàn bà

Không ai viết về tình dục đàn bà thật và đúng hơn đàn bà hoặc ngược lại. Như tôi đã nói ở trên, tình dục chỉ là một khía cạnh của đời sống. Viết về tình dục là viết về một khía cạnh nhân bản của đời sống con người và là lựa chọn riêng của người viết. Người viết nữ Việt Nam chọn viết về tình dục là chọn con đường chông gai nhiều tai tiếng và sóng gió so với những con đường thênh thang khác. Tôi nhận thấy cái giá họ phải trả cho công việc mà họ yêu mến này thật quá đắt.

Vì vậy nên độc giả và tác giả trước khi tranh luận nên tìm đọc tác phẩm các nhà văn nữ thay vì chỉ đọc vài trích dẫn qua mấy bài viết của Nguyễn Văn Lục, Thế Uyên... rồi mạnh mẽ đánh giá. Vì những trích dẫn và ngay cả bài viết của một tác giả không ít thì nhiều làm gì không có thành kiến hay thiên vị riêng.

Chỉ có tác phẩm mới là tiếng nói thật, nói lên được những gì người viết muốn nói.

(Sex: dưới mắt nhìn của người viết nữ – Trịnh Thanh Thủy)

Chữ nghĩa lơ mơ lẫn lộn

Chim rừng có cánh, nhiều lông
Chim nhà không cánh nhưng lông vẫn nhiều

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Chữ dâm

Không ai biết chắc giữa hai câu thơ:

Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm

của Nguyễn Công Trứ và:

Đàn bà chớ đọc Thúy Vân, Thúy Kiều

của tác giả dân gian nào đó, câu nào có trước, câu nào có sau.

Chỉ biết chắc một điều là, *hết thấy, đều ló mặt với đời sau khi Bà Banh đã bị thay tên*: thời nào bà từng nô nức khói hương, thế rồi, từ ngày nào đó, lặng lẽ sân chùa: Vắng như *chùa Bà Đanh*... Bà Banh, vị nữ dâm thần đứng... *banh chân tở hớ tênh hênh cho khách thập phương chọc gậy* vờ vịt làm cuộc âm dương, cái cuộc âm dương của trận mây mưa có bốn lúa đôi trần trụ nồng nàn quấn quýt vào nhau trên *thạp đồng Đào Thịnh, thứ thạp nghe đầu đã có từ thời kỳ Đông Sơn*.

(Tạ Chí Đại Trường)

Câu đố

Canh một thì trải chiếu ra
Canh hai bóp vú, canh ba sờ l..
Canh tư thì lắc xom xom
Canh năm cuộn chiếu ấm con mà về
(người kéo vó ban đêm)

("Tục Ngữ Phong Dao" - Nguyễn Văn Ngọc)

Đường Cống Quỳnh

Sàigòn có một con phố cong queo một cách rất ngộ nghĩnh, được đặt tên là phố Cống Quỳnh. Thật là khéo, vì cách lập luận và hành động của ông Cống Quỳnh cũng cong cong queo queo như con phố kỳ dị ấy. Tiếc rằng Cống Quỳnh có lẽ chỉ là một nhân vật tưởng tượng thôi.

(Phố của thành phố 1957 - Bình Nguyên Lộc)

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Chùa Bà Banh

Vì người Chăm chuyển sang khu vực khác nên bức tượng Bà Banh có thể cũng được di chuyển theo nên không ai nhìn thấy bức tượng nữa. Nhưng qua chuyện Trạng Quỳnh, mặc dù là giai thoại tuy nhiên cũng có đôi nét về bức tượng Bà Banh.

Tượng Bà Banh

Quỳnh nghe nói nơi dạy học không xa có tượng đá rất thiêng, bèn hỏi học trò:

- Pho tượng ấy mang tên vị thần nào mà dân chúng ai cũng sợ như thế?

Anh học trò thưa:

- Trình thầy, không thần phật nào cả. Đây là pho tượng một người đàn bà ở trường, người ta gọi là tượng "Bà Banh"

- Tượng ấy hình thù như thế nào? Anh học trò có vẽ xấu hổ, nói:

- Pho tượng ấy trông tục lảm thầy ạ! Đầu nghiêng về một phía, miệng cười tùm tùm, Cổ quấn mấy vòng chuỗi hạt, chân đi giày bắt chéo, còn hai tay chỉ vào "chỗ ấy" bên cạnh tượng có đặt một chiếc chày đá.

Quỳnh bực mình hỏi:

- Sao không đập vỡ quách đi cho rồi? Để cái cửa nợ ấy đứng trên người làm gì?

- Thưa, "Bà Banh" dữ vía lảm ạ! Ai đi qua đấy, muốn yên lành thì phải lạng lẽ đến *cầm chiếc chày đá, đâm vào bộ phận kia một cái*, mà phải làm việc đó rất kính cẩn. Ai không làm hay chọc ghẹo tượng thì về đến nhà thế nào cũng bị méo miệng, trẹo tay, vẹo cổ.

Một hôm, Quỳnh đến tận nơi có tượng Bà Banh để xem thực hư. Quỳnh đến bên tượng, lấy chày đá quăng đi, đoạn cầm bút đề tám câu thơ lên bụng tượng:

Khéo đứng ru mà đứng mãi đây
Khen ai dẻo đá tạc nên mày
Trên cổ đeo đeo dăm chuỗi hạt
Dưới chân đứng chéo một đôi giày
Cởi váy phát cờ trên ghẹo tiểu
Để đồ bốc gạo thử thanh thầy
Có thiêng sao chẳng ngòi toà ngọc?
Khéo đứng không mà đứng mãi đây!

Bài thơ viết xong chưa ráo mực, mồ hôi tượng đá đã vã ra như tắm. Từ đấy, không còn ai nghe nói rằng "Ba Bánh" thiêng nữa.

Tục ngữ, thành ngữ

Vắt chà ra nước

Câu nói chê người hà tiện, keo kiệt, bủn xỉn quá đáng

Vắt chà ra nước thường đi đôi với Rán sành ra mỡ.

Hai câu có nghĩa giống nhau. *Việt Nam tự điển* của Khai Trí Tiến Đức gộp chung hai câu tục ngữ thành *Vắt cổ chà ra mỡ.*

(Nguyễn Dư)

Nâng chén, cụng li, chạm cốc...

Cái li

Từ cuối thế kỉ XIX, xã hội Việt Nam được làm quen với một số đồ dùng bằng *thuỷ tinh* như chai, lọ, bóng đèn (thông phong), lọ mực của học trò v.v. của Pháp.

Đại Nam quốc âm tự vị (1895) của Huỳnh Tịnh Của định nghĩa:

- *Li* (chữ Hán, bộ Ngọc) : loài chai đá trong suốt, loại *thuỷ tinh*.

- Lưu li, Pha li (hay pha lê) có nghĩa giống chữ *Li*. Một *li rượu* là một *chén rượu*.

Huỳnh Tịnh Của đã giới thiệu cái *li* với mọi người. *Li* là một loại *chén* đặc biệt, làm bằng *thuỷ tinh*.

Cái *li* đã đến từ chữ Hán *lưu li* hay *pha li*.

Tranh dân gian Oger (1909) có tấm *Tiền bóng đèn pha li*. Pha li của dân gian có nghĩa là *thuỷ tinh*.



Cái *li* phải là *li thuỷ tinh*. Chén sành, chén sứ hay chén đất nung, lớn hay nhỏ đều không phải là *li*. Cái *li* giấy, *li* nhựa của ngày nay đều là... *li* giả.

Tiền bóng đèn pha li

Thơ văn cổ chỉ có cái *bát*, cái *chén* chứ không có cái *li*, cái *cốc*.

- Có chắc không hay lại nói bậy? Nhất Thanh dẫn thơ Nguyễn Bình Khiêm có cái *li* đây nè.

Ông không biết câu "*Trong li rượu thọ ánh xuân tươi*" của bài *Ngụ hứng quán Trung Tân* sao?

- Xin lỗi, tôi chỉ biết... cái *cốc* của bài *Ngụ hứng quán Trung Tân* thôi. Câu thơ *Trần lạc xâm hoa sắc* của Nguyễn Bình Khiêm được Ngô Lập Chi dịch thành *Chén, cốc, ánh sắc hồng*

Quán Trung Tân thời Nguyễn Bình Khiêm chắc chắn không có cái *li* hay cái *cốc*. Nhất Thanh và *Ngô Lập Chi* đã *tặng li, cốc* cho Nguyễn Bình Khiêm. *Đúng ra thì phải dịch chữ trần sang tiếng Việt là cái chén.*

Câu thơ Nguyễn Bình Khiêm nên dịch là *Trong chén rượu thọ ánh xuân tươi* (Nhất Thanh) hay *Chén ánh sắc hồng* (Ngô Lập Chi).

(Nguyễn Dư)

Sài Gòn một chút quán xá

Quán cơm "Bà Cả Đọi"



Chợ nghĩa trang xưa - CV002

Những năm 1960 hình như quán cơm bà Cả không để biển hiệu, và ai cũng gọi đấy là Cơm Bà Cả Đọi. Nhưng cái ngõ hẻm để vào quán cơm bà Cả thì không thể quên được. Căn nhà phố ở ngoài hẻm

mang số 53, cuối hẻm là những bậc cấp xi-măng dẫn lên quán cơm bà Cả. Hẻm 53 không xa Tổng Ngân Khố của chính thể VNCH trên đường Nguyễn Huệ.

Thoạt đầu trong những năm cuối thập niên 50 của thế kỷ trước, bà Cả mở quán cơm để phục vụ bữa ăn cho những đồng nghiệp của ông Cả, cùng làm việc ở Tổng Ngân Khố, sau đó mở rộng đón khách ăn cơm quán xá.

Quán cũng là nơi ở của gia đình ông bà Cả, một căn nhà phố rộng khoảng năm – sáu mươi mét vuông ở lầu 1. Căn phòng chính duy nhất của căn nhà ở lầu 1 này bày được ba – bốn cái bàn và một cái đi-văng rộng để khách ngồi ăn. Thông thường, một nhóm khách cùng rủ nhau ăn cơm bà Cả thì ngồi trên đi-văng; các bàn dành cho hai – ba người; thêm một bàn nhỏ ở ngay chỗ bậc cấp dẫn lên, chỉ đủ cho một người ngồi ăn. Chúng tôi thường thấy một bà đầm già người Pháp ngồi ăn một mình, bữa nào cũng chỉ gọi một tô nhỏ canh rau đay và đĩa cơm. Bà người Pháp này không ăn cà pháo chấm mắm tôm như thực khách người miền Bắc; quán cơm bà Cả dĩ nhiên đa số khách là người Bắc di cư năm 1954.

Ngoài những công chức Bắc di cư, chúng tôi nhận ra nhiều thực khách quán cơm bà Cả thuộc giới nhà văn nhà báo, và nhóm bạn của diễn viên điện ảnh Huy Cường, anh chàng “Chính Bắc Kỳ” đẹp trai kiểu “bụi” và thích đùa. Hồi nghe tin Huy Cường mất vì tai nạn giao thông ở cầu Ba Cánh, chúng tôi báo tin cho bà Cả biết, bà kêu ồ lên, tỏ lời thương tiếc. Bà Cả hỏi thăm ông cha để Loan Mất Nhung có khỏe không, cũng may lúc đó nhà văn Nguyễn Thụy Long đã sống thoải mái do những tác phẩm của anh được nhật báo Người Việt đăng tải trên báo và in thành sách.

Người con gái lớn của bà Cả với quán cơm Đồng Nhân kế tục Cơm Bà Cả Đợi, gương mặt giống bà Cả như khuôn đúc, càng làm chúng tôi thêm nhớ “người muôn năm cũ.”

(Quán cơm “Bà Cả Đợi” người muôn năm cũ – Nguyễn Đạt)

Chữ Việt cổ

Tum: *cái chum, đồ đựng bằng đất nung*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Thuốc Bắc, thuốc Nam

Theo truyền thuyết thì thời chúa Trịnh Sâm với Hải Thượng Lãn Ông vào kinh chữ bệnh: *Thuốc bắc dùng cho vua chúa và các. Còn dân thường dùng thuốc nam.*
Nguồn khác thì thuốc bắc của người phương Bắc, tức người Tàu, thuốc nam của người An Nam

Con lợn khác con heo chỗ nào?

Miền Bắc trách cô kia... “béo như lợn”
Miền Nam quở chị nọ... “mập như heo”

Tuỳ, đô tuỳ

Tuỳ, *đô tuỳ* : *người không quan tài*
(còn gọi là đô tì)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Bên lề chữ nghĩa

Do sự phát âm của chữ Hồi mà người Việt Nam còn gọi người Chiêm hay Chăm là người “Hời”.

Ảnh hưởng của Ấn giáo và Hồi giáo ở Chiêm Thành phát triển song song với Indonesia. Trên đảo Bali, một đảo nhỏ ở phía đông đảo Java, có nhiều di tích của văn hóa Ấn Độ trước khi Indonesia ngã theo đạo Hồi.

Đến thế kỷ 15 hầu hết người Indonesia đều theo đạo Hồi.

(Tiếng Việt – Phạm Đình Lân)

Góp nhặt làng văn xóm chữ

Ngụ cư

Cụ thân sinh ra **Chu Văn An** là người Tàu bán **phá xa**

Ngụ cư chỉ có thể trở thành nội tịch với điều kiện **sống ở làng 3 đời thì mới được vào làng**, làm dân nội tịch. Cụ Chu Văn An mới là đời thứ 2.

(Gs sử học Lê văn Lan)

Đã có một thời...

Thanh Nam

Cuộc đời quân ngũ dính liền với nghiệp phóng viên



Thanh Nam vào quân đội theo diện “đồng hóa”, theo nhu cầu chuyên môn, được nhập ngũ theo khả năng phục vụ. Những văn nghệ sĩ có tiếng thường được nhập ngũ vào phòng 5, sau này là Chiến tranh tâm lý. Cũng như các anh Phạm Xuân Ninh (Hà Thượng Nhân), v...v...

Sau thời gian phục vụ ở Đai phát thanh Quân Đội, Thanh Nam được giải ngũ. Anh quay về với nghề làm báo. Cái số của tôi và

Thanh Nam hay đi liền với nhau ở các tờ báo dân sự. Từ Truyện Phim, Kịch Ảnh, Tiếng Vang, Thời Thế đến những tờ báo của những ông chủ báo miền Nam như Tiếng Chuông, Phụ nữ Diễn Đàn... đều có mặt. **Thời kỳ này, Thanh Nam vẫn ở building Cửu Long**, nơi có khá nhiều nghệ sĩ, những nhà quay phim, phóng viên thuê phòng ở trọ bên cạnh phòng năm ba em cave ở Sài Gòn. Đã ở chung thường coi nhau như “người nhà” chứ không có những chuyện lộn xộn khác.

Buổi tối chúng tôi thường ngồi ở phòng trà Hòa Bình của anh Ngọc Bích. Hầu hết các ca sĩ trẻ hạng A, đều “chạy sô” qua đây. Từ Minh Hiếu, Bích Chiêu, Băng Tâm, Thanh Thúy, Ngân Hà, Trúc Mai... đến những ca sĩ hạng B mới ra lò nhiều triển vọng cũng được các ông bầu gửi đến cho tập tành “xuống núi”.

Chúng tôi viết ở vài tờ báo có nhiều độc giả chuyên về sân khấu kịch trường nên quen biết khá nhiều và cũng có khối những chuyện lơ mơ... cho vui cuộc đời. Thanh Nam là một chàng thanh niên rất dễ thương, nhưng có “tật” thích những cô đào hạng nhất của các sân khấu, nhất là sân khấu cải lương. Tôi nói là thích chứ không phải yêu. Rất nhiều lần, sau khi ngà ngà say, Thanh Nam rủ tôi và Mai Thảo đến phía sau sân khấu đoàn Thanh Nga xem đào cải lương trang điểm và ngồi sau cánh gà xem diễn.

(Thanh Nam trong hoài niệm – Văn Quang)

Thành ngữ hiện đại, hiện thực

Một điều nhin là chín điều nhục

Đã có một thời...

Nhà thơ Tô Kiều Ngân từ đời lính đến Tao Đàn

Tô Kiều Ngân và cuộc đời binh nghiệp

Có lẽ nhiều thính giả và độc giả biết đến anh Tô Kiều Ngân qua "Tiếng sáo Tao đàn" hơn là biết đến "đời lính" của anh. Tôi thì khác, tôi biết anh từ khi cuộc đời binh nghiệp của Tô Kiều Ngân khởi thủy từ khi làm tờ báo Tiếng Kèn của Địa Phương Quân ngoài Huế. Năm 1953, anh được đồng hóa vào quân đội và đưa gia đình từ Huế vào Saigon.

Chúng tôi cùng làm chung trong Ban Báo Chí từ năm 1957, lúc đó anh mang cấp chuẩn úy. Cho đến khi dọn về Hồng Thập Tự, gần cầu Thị Nghè. Một năm sau, tôi được lệnh đi Quân Khu 3 thành lập Đại Đội Văn Nghệ cho quân khu này rồi trở lại Nha CTTL. Lúc đó Phòng Tài Liệu do anh Vũ Quang Ninh làm trưởng phòng đang thu thập tài liệu để làm cuốn *Trăm hoa đua nở* về vụ án *Nhân văn Giai phẩm* tại miền Bắc. Tôi lại được lệnh về đây phụ giúp anh Ninh thu thập và phân tích những tài liệu này.

Bỗng một buổi sáng, vào khoảng năm 1960, tôi được lệnh trở lại Ban Báo Chí ngay. Khi trở lại tòa soạn tôi mới biết anh Tô Kiều Ngân vừa được chuyển đi đơn vị khác, cũng trong ngành Chiến tranh chính trị (CTCT). Quả thật tôi không hề biết vì lý do nào. Có thể vì nhu cầu công vụ và cũng có thể vì những lý do khác. Tôi cũng không thể tìm hiểu rõ hơn. Anh đến tuổi được giải ngũ năm 1974 khi mang cấp thiếu tá phục vụ tại Phòng CTCT Trường Võ Bị Đà Lạt.

(Văn Quang)

149 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Phan Khôi...*con mắt còn có đuôi*

Phan Khôi (1887-1959), hiệu Chương Dân, quê làng Bảo An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, xuất thân từ gia đình vọng tộc (cha là Tri phủ Điện Bàn, mẹ là *con gái Tổng đốc Hà Nội Hoàng Diệu*), năm 18 tuổi đỗ Tú tài Hán học (1905), sau sang Tây học, được suy tôn là "Ông Tổ thơ mới" với khởi thủy là bài thơ "Tình già" được in trên Tạp chí "Phụ nữ tân văn", số 122 ngày 10/3/1932 số cuối xuân Nhâm Thân đến nay sắp tròn 80 năm.

Hai mươi bốn năm xưa, một đêm vừa gió lại vừa mưa,

Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ, hai cái đầu xanh kề nhau than thở :

- "Ôi đôi ta, thương nhau thì vẫn nặng, mà lấy nhau hẫng đà không nặng;

Để đến nỗi tình trước phụ sau, chi cho bằng sớm liệu mà buông nhau !"

- "Hay, nói mới bạc làm sao chớ ! buông nhau làm sao nữa ?

Thương được chừng nào hay chừng ấy, chẳng qua ông Trời bắt đôi ta phải vậy !

Ta là nhân ngãi, đâu phải vợ chồng mà tính việc thủy chung !"

...

Hai mươi năm sau, tình cờ đất khách gặp nhau

Đôi cái đầu đều bạc, Nếu chẳng quen lung, đó ai nhìn ra được ?

Ôn chuyện cũ mà thôi. Liếc đưa nhau đi rồi, *con mắt còn có đuôi*.

Xuất xứ bài thơ: Theo một số nhà nghiên cứu thì đây là thiên tình sử náo nùng mà cậu tú Phan Khôi bị tình yêu sét đánh của một mệnh phụ phu nhân (*vợ trẻ của viên quan tứ phẩm quản lý nhà tù Quảng Nam*) xảy ra hồi cuối năm 1907 (21 tuổi).

Phan Khôi do tham gia phong trào "xin râu" trong khi gia đình người vợ chưa cưới tuyên bố thoái hôn vì chàng rẽ lâm vào vòng lao lý. Số là hồi Tết năm ấy, viên quan coi ngục chọn đưa "tên tù viết chữ đẹp" (*Phan Khôi*) về nhà viết câu đối Tết cho quan...thế là một cuộc kiến diện giữa chàng trai tài hoa với người đẹp cùng trang lứa (*người trắng trẻo, mặt trái xoan duyên dáng...*) để "Bà thấy Thầy thì thương lắm..."

Rồi thư đi tin lại cùng đôi lần gặp gỡ vụng trộm... Rồi không vượt được rào cản : Nàng ốm và qua đời, mối tình đẹp thời trai trẻ trong cảnh ngộ trở trêu trên đã để lại trong tâm tưởng Phan Khôi không bao giờ phai nhạt, và *24 năm sau dư vị của nó để chàng "hòa niệm" xuất thân bài thơ "Tình già" bất hủ*, chỉ có khác là (ở trong thơ) hai người còn sống, đôi mái đầu đều bạc đến nỗi nếu chẳng quen lung đố có nhìn ra được ?
Họ chỉ ôn chuyện tình cũ rồi xa nhau, vẫn còn ám ảnh mãi là nỗi thèm khát được nhìn nhau, *con mắt còn có đuôi* là thế

(Phan Khôi với "Tình già" - Lại Nguyên Ân).

Ca dao tục ngữ hiện đại hiện thực

Sông Cầu nước chảy lơ thơ.
Có đôi trai, gái ngồi hờ... quần đùi.

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Vũ Ngọc Phan với Lưu Trọng Lư, Vũ Hoàng Chương, Thế Lữ

Viết đến đây tôi ngưng lại, giờ sách xem ảnh Vũ Ngọc Phan. Anh còn trẻ lắm. Năm 1941 không rõ anh bao nhiêu niên kỷ. Nhưng nhìn gương mặt, tôi cho anh chỉ 28-30. Vậy mà sao anh đọc nhiều thế. Cả trăm nhà văn nhà thơ đủ mọi lứa tuổi, đủ mọi xu hướng, bút pháp và thể loại, mà đối với từng người một anh đều có nhận xét chính xác trong năm ba dòng làm cho tác giả tự hiểu mình mà không thể chối cãi được, còn đọc giả thì hiểu tác giả một cách dễ dàng. Anh phải là người đọc rất nhiều mới có thể viết về Lưu Trọng Lư, *Vũ Hoàng Chương* và Thế Lữ.

Lưu Trọng Lư *đem xáo trộn mộng với thực, thổ lộ nên những lời thơ huyền ảo vô cùng*. Không nên tìm trong thơ Lưu Trọng Lư *những sự cân đối, những cảnh và những tình rõ ràng* như trong thơ Quách Tấn.

Thơ của Vũ Hoàng Chương rất gần với thơ Lưu Trọng Lư nhưng có một điều trái hẳn với Lưu Trọng Lư là Vũ Hoàng Chương *rất chú trọng đến sự gọt giũa của lời thơ*.

Thế Lữ chính là người có công xây dựng thơ mới. *Thơ ông chẳng những mới ở lời mà còn mới ở cả ý nữa*. Thế Lữ còn là một tiểu thuyết gia có biệt tài.

(Xuân Vũ)

Ca dao tục ngữ hiện đại hiện thực

Con người càng lúc càng đông.
Thạch Sanh thì ít , Lý Thông thì nhiều .

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Vũ Ngọc Phan với Nguyễn Công Hoan

Tất cả tiểu thuyết của Nguyễn Công Hoan dù truyện ngắn hay truyện dài đều là tiểu thuyết tả thực về phong tục Việt Nam về hạng trung lưu và hạng nghèo. *Cô Giáo Minh* là một tiểu thuyết tả những phong tục cổ hủ ở một nhà quan, ông đặt một gái tân tiến vào để những cổ tục ấy nổi bật lên.

Trong các truyện của Nguyễn Công Hoan, *Lá Ngọc Cành Vàng* là cuốn tiểu thuyết hay nhất. Nhiều chương tả rất tài tình, thật cảm động. Người ta thấy *ông sở trường về truyện ngắn hơn truyện dài*. Ở *truyện dài nhiều chỗ lúng túng rồi kết thúc quá giản dị không xứng với một truyện to tát mà ông đã dựng*. Trái lại ở *truyện ngắn ông là người kể chuyện rất có duyên*. Phần nhiều *truyện ngắn của ông linh động, bắt ngờ làm cho người đọc thích vô cùng*.

Truyện ngắn của ông tiêu biểu cho một thứ văn rất vui, mà có lẽ từ ngày nước Việt Nam có tiểu thuyết viết theo lối mới, người ta chỉ thấy ở ngòi bút của ông thôi. Truyện *Thằng ǎn Cắp* ông tả khéo quá, đến đổi người đọc tưởng thấy ngay trước mắt cái cảnh tả trên giấy. Nhưng đôi khi sự quá đáng của ngòi bút ông hóa ra khôi hài không còn thuộc phạm vi tả chân nữa. Hầu hết truyện của ông đều thuộc loại tả chân và rất tả những cái chướng tai gai mắt, đòi phong tục mà phần nhiều ngả về hoạt kê.

Trong số những nhà tiểu thuyết về phong tục, ông đứng riêng hẳn một phái: phái tả chân khuynh hướng về hoạt kê, nhưng ông không hoạt kê như Vũ Trọng Phụng khi viết *Số Đổ* hay như Đỗ Phồn khi viết *Một Chuối Cười*. Cái cười của ông là cái cái sặc sụa, cái cười hể hả sung sướng của người ngoài cuộc. Ông tả đủ hạng người trong xã hội, nhưng ít khi ông tả tâm lý của họ, nhất là những điều uẩn của họ thì ông không bao giờ động đến. Ông có nụ cười riêng mà chỉ ông mới có và chỉ ông mới diễn ra một cách đều đặn trong mười năm nay.

Vì thế văn ông không giống văn một người nào. Ông viết rất đều tay. Đọc ông không bao giờ người ta phải phàn nàn rằng ông *chỉ quanh quẩn trong mấy đầu đề như nhiều nhà văn khác*. Tương lai sẽ cho ta biết ông có thay đổi không nhưng tôi tin rằng chỉ trong phạm vi tả chân và trào lộng cây bút Nguyễn Công Hoan mới có thể vững vàng, còn ngoài phạm vi ấy tôi e rằng nó sẽ lung lay.

(Xuân Vũ)

Ca dao tục ngữ hiện đại hiện thực

Đàn ông rộng miệng thì sang
Đàn bà rộng miệng vẫn sang như thường

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Vũ Ngọc Phan với Tô Hoài

Tô Hoài cũng thuộc phái tả chân, nhưng không ngả về hoạt kê như Nguyễn Công Hoan. Tô Hoài có khuynh hướng xã hội. Trong hầu hết các truyện của ông, Tô Hoài đều tả hạng dân quê nghèo nàn mà hạng người này cũng chỉ là *những người ở một miền, một vùng, vùng Nghĩa Đô, quê hương tác giả*. Nhận định này cũng giống như lời của anh Nguyễn Huy Tưởng: "Hãy viết cái gì các cậu thuộc. Đừng viết cái gì không thuộc".

Trong *Quê Người* (1941) *ông tỏ ra là một người quan sát rất sâu sắc*. Những tính tình u ám diễn ra ở những cử chỉ rất nhỏ của người dân quê, những thói tục hủ bại, những *ngôn ngữ kỳ quặc của những người dân quê*, cả những cảnh sống cùng cực rất đáng thương của họ đều được ông tả cặn kẽ. Nhưng trong những cảnh ấy, không phải chỉ rất những màu đen tối mà còn có những màu tươi tắn ở cái tính chất phác của người dân quê. Trong tình yêu thôn dã, Tô Hoài là một cây bút đầy thơ mộng, một cây bút đã tiểu thuyết hóa cao độ những cặp tình nhân ở bên giếng nước hay những hội hè đình đám thôn quê.

Tô Hoài *nhận xét nhân vật rất tỉ mỉ*. Mỗi khi ông đẩy một người nào ra sân khấu thì ông cho biết tính tình và căn cước của họ. Người ta thấy ông yêu nhân vật của ông quá, ông *không muốn cho một nhân vật nào chết cả*. (ngược lại với Ngọc Giao). Khi ông tả thì ông tả *cụ thể tới đả* từ anh phu trạm có cái xe đạp quáai gỡ, đến các ông Lý, lão Nhiêu.

Quê Người là một pho tài liệu chân xác cho những nhà xã hội học ta muốn quan sát phong tục và sự tiến hóa của dân tộc Việt Nam. Nào đám hội, cưới, hỏi, đám ma, đám chay, cách nuôi trẻ, nuôi người ốm, dạy con, chữa bệnh, đuổi tà ma, đòi nợ, những lễ lối chửi rủa, đánh nhau, nằm vạ, cho vay nặng lãi, đặt vè nói xấu người, tục ăn uống, chè chén, cỗ bàn, kiêng kỵ chia

phe, kết bè đánh nhau v.v... Không một cảnh nào ở nông thôn mà thoát khỏi cặp mắt của Tô Hoài.

Ông sở trường truyện ngắn. Truyện của ông không những đặc biệt về lời văn, cách quan sát về lối cấu kết mà còn đặc biệt về đề tài nữa. Tô Hoài không giống một nhà văn nào trước ông cũng không giống một nhà văn nào mới vào làng văn như ông. Nghệ thuật của ông là tả chân, tức là để cho sự việc tự nó nói lên.

Nghĩa là không dùng ngòi bút của mình *thọc vào bình luận*.

(Xuân Vũ)

Văn hoá chửi

Lại nhớ, Nguyễn Thiện Kế, nhà thơ trào phúng nổi tiếng vào đầu thế kỷ 20 và cũng là anh rể của Tần Đà, có hai câu thơ tả cảnh hộ đê ở miền Bắc:

Trên đê cựa lớn văng con cặc
Dưới đất thầy cai thượng cẳng tay.

“Văng cặc” là đặc quyền của tầng lớp bên trên. Chỉ có những người có quyền lực mới được văng cặc. Đứng trước vua quan ngày xưa, bọn thường dân mà dám văng cặc thì thế nào cũng bị chặt đầu hoặc chết mòn trong tù ngục. Dù thấy những cái gọi là taboo - những điều cấm kỵ - cũng có tính giai cấp: chúng chỉ áp dụng đối với tầng lớp dưới của xã hội mà thôi. Chính vì thế, việc văng cặc, và từ đó, việc văng tục nói chung, đã biến thành một hành vi thách thức và khiêu khích mạnh mẽ và táo bạo nhất: chúng thách thức và khiêu khích với chính quyền lực. Văng cặc, do đó, trở thành một thái độ phản kháng và một sự nổi loạn.

Nên lưu ý là chính các quy phạm văn hoá cũng là một thứ quyền lực. Nổi loạn để chống lại các quy phạm văn hoá ấy là một hiện tượng thường xảy ra không những trong đời sống, đặc biệt ở giới trẻ, mà còn cả trong văn học, đặc biệt ở những giai đoạn tính chất cũ kỹ và sáo mòn đã nặng nề đến mức gần như không thể chịu đựng được nữa. Chính trong cái không khí ngột ngạt, nặng trĩu những công thức và giáo điều, những sự mệt mỏi và sợ hãi như thế, một tiếng “cặc” vang lên sang sảng, nghe rất... đã.

Tuy nhiên, tôi viết bài này không phải chỉ để biện minh cho cái “đã” ấy. Chắc bạn đọc cũng hiểu.

(Nguồn: Nguyễn Hưng Quốc)

Câu đố dân gian

Cái gì không mất, không tai
Cổ đeo hai bị, tóc dài ngang lưng
Cửa nhà thấy cứ lừng khừng
Hễ thấy của lạ bưng bưng ngổng lên

Viện Viễn đông Bác cổ

Kho sách cổ với tác phẩm có từ thế kỷ XVII

Một trong những tài liệu quý hiếm giúp thư viện của Viện Viễn đông Bác cổ Paris trở thành một trong những trung tâm quan trọng trong giới nghiên cứu về Đông Dương và Việt Nam là *bộ sưu tập 20.000 ván khắc Hán Nôm*. Đây là kho tài liệu quan trọng giúp tái dựng cổ sử Việt Nam.

Ngoài ra, còn phải kể đến *bộ sưu tập tranh dân gian Việt Nam với khoảng 400 bức tranh do nhà nghiên cứu Maurice Durand thu thập*. Được bảo quản trong điều kiện tốt, bộ sưu tập đa dạng và phong phú về nhiều đề tài khác nhau : cuộc sống thường nhật, các ngành nghề nhỏ,

chức tụng và những tấm bùa hộ mệnh, tôn giáo và tín ngưỡng, lịch sử, văn học, tục ngữ, ngôn ngữ...

Cuối cùng, còn *có hơn 3.000 đầu sách về Việt Nam*, trong đó có rất nhiều sách cổ, trên tổng số gần 33.000 tác phẩm thuộc kho Đông Nam Á. RFI đã có dịp được ngắm hai tác phẩm cổ liên quan đến Việt Nam, được in năm 1631 và 1646.

(Thu Hằng)

Xẩm

Trong hệ thống làn điệu của xẩm, có những làn điệu hấp dẫn, đặc sắc đến mức các bộ môn nghệ thuật khác như Chèo, Quan họ và thậm chí Ca trù đều phải “vay mượn”, như *các điệu xẩm huê tình, xẩm chợ, xẩm xoan...*

Bài xẩm huê tình khi được các đào nương, kép đàn ca trù du nhập vào trong hình thức ca quán, thường gọi là *điệu xẩm cô đầu* (hay xẩm nhà trò).

Nhìn chung, dung lượng lời ca các bài xẩm thường khá dài, đủ để chuyển tải nhiều nội dung khác nhau, mang đậm phong cách hát kể chuyện. Không tìm thấy những bài ca ngắn gọn ở đây. Điều này có thể hiểu được, bởi trong môi trường diễn xướng hỗn tạp đông người nơi đầu chợ, bến đò, góc phố..., sự “dài hơi” của những bài ca là điều tối cần thiết. Người ta sẽ không thể cảm nhận kịp những bài ca ngắn (kiểu cấu trúc ca khúc).

Thế nên các nghệ sĩ xẩm luôn phải sáng tạo thật nhiều lời ca dài khác nhau. Ngay đến câu ngâm sa mạc - một làn điệu mà chỉ cần một cặp lục bát là đủ một đơn vị tối thiểu, xẩm đã dùng để ngâm cả một chuyện thơ dài, như bài *Anh khóa* chẳng hạn, đến vài chục câu thơ lục bát.

(Âm nhạc dân tộc – Bùi Trọng Hiền)

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Chùa Bà Banh

Chùa Bà Banh là một ngôi chùa dành cho người Chăm.

Tây Hồ chí ghi là vua Lê Thánh Tông (1) đã cho làm một thiền viện (vừa là chùa, vừa là một trung tâm nghiên cứu) ở gò Phụng Chủy bên bờ nam Hồ Tây cho người Chăm hành đạo, gọi là thiền viện Châu Lâm. Gò Phụng Chủy nay là khu vực trường Chu Văn An, quận Ba Đình.

Nhưng dân gian thì gọi là *chùa Bà Đanh*.

Sau hình như người Chăm chuyển sang khu vực khác, thiền viện hoang phế nên có câu ngạn ngữ "Vắng như chùa Bà Đanh". Tới thời Pháp thuộc, họ bắt dời chùa đi để xây xưởng in rồi xây trường học. Đồ thờ ở chùa Châu Lâm được đưa sang thờ chung với chùa Phúc Châu ở chỗ nay là *số nhà 199B phố Thụy Khuê*, gọi gộp là chùa Phúc Lâm. Nhưng hiện nay trong chùa còn tấm bia ghi "Châu Lâm tự hiệu là Bà Banh tự".



Có người nghiên cứu về Tây Hồ cho hay tên chùa là chùa Bà Banh với *suy luận rằng* chùa vốn của người Chăm, có tượng một vũ nữ Chăm ở tư thế chân dang ra.

Do vậy mà có tên Bà Banh, *đọc trại thành Bà Đanh*.

(nguồn: Tô Hoài - Nguyễn Vinh Phúc)

(1) Vua Lê Thánh Tông đề thơ *Tượng Bà Banh*

Chốn long cung cảnh giới này,

Uầy, ai đứng đấy lửa lò thay!

Miệng cười hơn hớn hoa in nhụy.

Má đỏ hồng hồng tóc vén mây.
Ây rắp phát cờ trên gheo tiểu,
Hay toan bốc gạo thử thung (2) thầy.
Chẳng lên bảo điện ngời thông thả,
Khéo đứng ru mà đứng mãi đây ?

(2) *thử thung* nghĩa thử thách

Lục xì

Kiểm ăn chung với các cô đờn là bọn “*ma cô*” (*maquereau*), bọn *bồi xăm* (*chambre*). Thời Pháp còn có nhà *Lục xì*.

Vũ Trọng Phụng viết tiểu thuyết “*Làm đĩ*” (1936) và phóng sự “*Lục xì*” (1937) nhưng tiếc rằng Tuyển tập Vũ Trọng Phụng (Văn học, 1987) không đăng những truyện này nên rất cuộc vẫn không biết “*Lục xì*” là gì. Cái phiên của tuyển tập là vậy! Người khác chọn giùm mình. Cho đọc cái gì thì đọc cái ấy! Tra tìm trong từ điển Hán, Nôm thì không thấy *Lục xì*.

Từ điển Gustave Hue có chữ “*Lục xì*” nhưng lại không giải thích, chỉ cho biết *Lục xì* là một từ “*phon*.” (tôi đoán “*phon*” là viết tắt chữ *phonétique*, nghĩa là đọc theo âm). Nếu vậy thì “*Lục xì*” có thể là âm cuối của chữ *syphilis* (*bệnh hoa liễu, còn gọi là giang mai, nôm na là bệnh lậu hay tim la*). “*Nhà Lục xì*” là nơi khám bệnh hoa liễu cho các cô điếm thời Tây. Pháp đem vào nước ta một loại kỹ nữ mới là vũ nữ, các cô gái nhảy, “*ca ve*” (*cavalière*). Gái nhảy phải biết... nhảy đầm, không cần biết hát. Các cô hành nghề tại các “*đăng xinh*” (*dancing!*).

(Xương ca vô loài – Nguyễn Dư)

Chữ nghĩa với sử học

Sử học ta vốn chịu nhiều ảnh hưởng của nền sử học Trung Hoa trong khi biên soạn tác phẩm của mình đó là lối *kỷ truyện, biên niên và cương mục*. Trước hết, lối *kỷ truyện* bắt chước theo phương pháp của sử gia Tư Mã Thiên (145-86 ? tr. C.N.) khi ông này viết bộ *Sử Ký* tức là lối viết lịch sử dưới hình thức *tiểu sử các nhân vật*.

Một lối viết có tên *liệt truyện* được sử dụng với các bộ sử như Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên, Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện v.v... mà hình thức cũng không khác lối *kỷ truyện* bao nhiêu.

(Từ chính sử đến dã sử... Nguyễn Đức Cung)

Tục ngữ thành ngữ



Đãi cứt sáo lấy hạt đa

Đãi cứt sáo lấy hạt đa, đãi cứt gà lấy hạt tằm .

Chê những kẻ quá hà tiện, quá bủn xỉn

(Nguyễn Dư)

Họ Trần, họ Bùi

Thời Lê sơ, vì tránh tên bà mẹ đẻ ra Lê Thái Tông là Phạm Thị Trần mà bắt những người họ Trần phải đổi sang họ Trình...

Việc đổi họ cổ kim còn vô vàn lý do. Nhà thờ họ Bùi ở một làng nọ thờ ông Tổ là... Trần Thủ Độ. Vị Thái sư danh tiếng với câu nói bất hủ trước họa giặc Nguyên tám thế kỉ về trước: “đầu thần còn chưa rơi xuống đất – xin bệ hạ đừng lo”.

Không phải vì “thấy người sang bắt quàng làm họ”, mà họ Bùi làng ấy tôn thờ ông đầu. Ông chính là ông Tổ của dòng họ Bùi. Nhưng Trần Thủ Độ họ Trần. *Cớ sao lại là ông Tổ của họ Bùi?*

Người viết bèn đem điều thắc mắc ấy hỏi một cụ cao tuổi họ Bùi. Té ra họ Bùi làng ấy vốn gốc từ họ Trần thật. Vào thời xa xưa, trong họ sinh chuyện bất hoà. Một nhánh của họ Trần bèn tách ra lập họ riêng, song vẫn không muốn cho con cháu quên cái gốc (là họ Trần) của mình. Các cụ thời ấy bèn đi từ nghĩa Nôm của chữ “Trần”. Trần nghĩa là... ở trần, là không mặc áo. Không mặc áo thì là phi y (không áo). *Chữ phi* (非) và *chữ y* (衣) ghép lại thành *chữ Bùi* (裴). Thế là được một cái tên họ. Trần = phi + y = Bùi.

Thật là một cách cấu tạo họ độc đáo.

(Khuyết danh)

Đường Đề Thám

Sàigòn đặc biệt có phố không vỉa hè, như đoạn phố Đề Thám (1) ngay trước dãy nhà cũ đối diện với hông nhà thờ Tin Lành.

(1) xem tiết mục *Quán Anh Vũ* khúc dưới.

Thật ra thì có một vỉa hè rộng độ tám tấc, nhưng đã lì xuống bằng với mặt đường, ô tô tha hồ leo lên và người đi bộ rất lấm khi phải nhảy vào nhà người ta để thoát chết.

(Phố của thành phố – 1957 Bình Nguyên Lộc)

Câu đối sư và vãi

Nguyễn Hòe đi với bạn vào chơi một chùa, được sư cụ tiếp đãi ân cần, thì mấy ông bạn quý lại quay ra báng bỏ nhà chùa.

Sư cụ bực mình ra câu đối:

Nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy rông, nhất nông nhì sĩ

Nguyễn Hòe cực chẳng đã phải đối bằng diễu cợt để cứu vãn thể diện chung:

Trên sư dưới vãi, ngành lụng trở lại, trên vãi dưới sư.

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

Cửa Khổng sân Trình

Thành ngữ từ hai nhân vật tiêu biểu của đạo Nho: Khổng (Khổng Tử) và Trình (Trình Tử). Khổng Tử là người nhà Chu nước Lỗ (551 trước công nguyên). Khổng Tử soạn Kinh dịch, Kinh lễ, Kinh Xuân – Thu và Lục nghệ. Trình Tử, tức là Trình Điều, một danh nho thời Tống thì cũng không hiếm người theo học. Như vậy, nói đến cửa Khổng sân Trình là nói đến hai bậc thầy nổi tiếng trong mối quan hệ với học trò của họ. Thầy và trò là tiêu biểu cho nhà trường, do đó thành ngữ cửa Khổng sân Trình được hiểu là trường học, nơi dạy đạo Nho thuở trước.

(Nguồn: Tìm hiểu điển tích thành ngữ)

Sài Gòn một chút quán xá

Quán Anh Vũ



Quán Anh Vũ là cái tên ban đầu của quán văn nghệ, quán cơm nghệ sĩ và sinh viên được thành lập từ sáng kiến của ông Võ Đức Diên, một kiến trúc sư và cũng là một nghệ sĩ.

Trước kia vào khoảng năm 1945, ông Võ Đức Diên lập ra một ban kịch lấy tên là Anh Vũ và tái lập năm 1955 là nơi gặp gỡ giới nghệ sĩ sáng tác. Quán Anh Vũ là phòng trà có bề ngang chừng 10 m, sâu khoảng 30 m, chứa được 300 đến 400 chỗ ngồi và một ban nhạc, nằm phía sau rạp Nguyễn Văn Hào, số 43 Bùi Viện, gần ngã ba Bùi Viện Đền Thám.

Quán được mở ra *trước Tết Canh Tý 1960*, được xem là một quán thanh lịch và có phòng trà lớn nhất Sài Gòn lúc đó. Trong khuôn viên quán có một sân khấu nhỏ phía bên phải, còn quán ăn nằm phía bên trái. Ban ngày, nơi đây là quán cơm. Mỗi bữa cơm chỉ có hai mức giá 5 đồng và 10 đồng, được xem là rẻ vì tính giá bằng phân nửa giá bán thông thường. Quán mở đến 7 giờ tối, lúc nào cũng đông nghẹt khách.

Buổi tối, phòng trà mở cửa. Ban đầu, nhạc sĩ Lê Thương phụ trách sân khấu ca vũ kịch. Ngoài ra còn có ban vũ của hai vũ sư nổi tiếng Lưu Bình và Lưu Hồng. Lớp ca sĩ tiên phong của phòng trà này có danh ca Lê Thanh, Thanh Thúy, Minh Hiếu, Bạch Yến, Mai Hương, Duy Trác, Cao Thái, v...v.... Quán Anh Vũ là một cái nôi nghệ thuật của Sài Gòn thời đó. Theo nhà báo Đoàn Thạch Hãn, tại phòng trà này, nhạc sĩ tài hoa Nguyễn Ánh 9, lần đầu tiên đệm dương cầm cho ca sĩ Thanh Thúy biểu diễn rất thành công tác phẩm đầu tay *Ướt mi* của Trịnh Công Sơn. Có người cho rằng bài Phổ buồn được nhạc sĩ Phạm Duy sáng tác chính trong giai đoạn này. Năm 1962, Khánh Ly bắt đầu sự nghiệp ca hát tại phòng trà Anh Vũ lúc mới 18 tuổi.

Phòng trà và quán cơm Anh Vũ thời gian đầu trở thành địa chỉ sum họp của giới nghệ sĩ, nhà báo, nhà văn Sài Gòn thời đó. Có lúc Anh Vũ cũng tổ chức các hoạt động khác như là nơi tuyển chọn diễn viên như câu chuyện kể trên.

Đến cuối năm 1962, do tình hình an ninh, chính phủ lúc đó ban hành giới nghiêm, không cho phép các vũ trường hoạt động nên quán Anh Vũ đóng cửa. Quán cơm Anh Vũ và phòng trà Anh Vũ chỉ còn trong tâm tưởng lớp người sống ở Sài Gòn một thời đã xa, những người lớp tuổi bảy mươi và tám mươi. Họ hoài niệm nó, như trong một đoạn thơ không rõ tác giả: "[Sài Gòn ta gọi cho em/Quán cơm Anh Vũ, phố đèn Tự Do/Nhớ em! Ôi, thuở học trò/Này đường Nguyễn Trãi, con đò Thủ Thiêm...](#)".

(Sài Gòn: Chuyện đời của phố - Phạm Công Luận)

Nâng chén, cụng li, chạm cốc...

Cái cốc

Cốc là tên gọi cái *chén thủy tinh* của miền Bắc.

Năm 1943 Thạch Lam viết *Hà Nội băm sáu phố phường*. Trong bài *Hàng nước cô Dần* có đoạn :

" Nhưng hàng cô Dần có một chút đặc biệt hơn: cô không bán nước vối hay nước chè tươi. Cô bán nước chè uống với đường.

Ai uống nước đường thì đã có *cốc thủy tinh*, một xu một *cốc*. Cô múc vào cốc một thìa đường, - tuy đường đắt mà xem ra cô cũng múc nới tay lắm -, nghiêng bình chè rót đầy *cốc*, và đưa lên cho khách với cái nhìn của đôi mắt nhỏ, lanh lẹ, hai con ngươi đen bóng loáng, như hai con mắt của một con vật non nào.

Ăn cơm, uống rượu xong được một *cốc* nước chè đường nóng thì ai chả thích... " (1).

- Thoáng hiện em về trong đáy *cốc*

Nói cười như chuyện một đêm mơ (Quang Dũng, *Đôi bờ*)

(1) - *Tuyển tập Thạch Lam*, Văn Học, 1988, tr. 211.

Miền Nam không dùng *cốc*. Nhưng gốc gác của *cốc* lại là... miền Nam. *Tự vị Huỳnh Tịnh Của* có *cốc* rượu (*chén* rượu). Nhưng *Từ điển Génibrel* (1898) không có cái *cốc*. Điều này cho thấy cuối thế kỉ XIX, *cốc* chưa được dùng trong dân chúng.

Việt Nam tự điển (1931) của *Hội Khai Trí Tiến Đức* định nghĩa:

- *Cốc* : đồ dùng để uống rượu, thường làm bằng *thuỷ tinh*. Có nơi gọi là *ly*.
- *Li* : cốc thuỷ tinh.

Tự điển Việt Nam (1971) của *Ban tu thư Khai Trí* cũng định nghĩa:

- *Cốc* : đồ dùng để uống rượu, uống nước.
- *Ly* : cốc thuỷ tinh.

Li (hay *ly*), *cốc* giống nhau. Cả hai đều là đồ dùng để uống nước, uống rượu, làm bằng thuỷ tinh.

Tại sao đã có *li* rồi còn rắc rối có thêm *cốc*?

Tên *cốc* từ đâu ra ? Xin tạm đưa ra hai cách giải thích.

1- *Tự vị Huỳnh Tịnh Của* có cái *cúp* (tiếng mới), nghĩa là cái *chén* có cán.

Có thể cái *cúp* (coupe) của Pháp bị nói trại thành cái *cốc*.

2- Thời Đạo Thiên Chúa được người Việt gọi là đạo Cơ Đốc.

Tự điển Khai Trí và *Từ điển Đào Duy Anh* cho biết *Cơ Đốc* phiên âm của chữ *Christ* được *Tự điển Gustave Hue* (1937) phiên âm là *Cơ lợi tư đốc*. *Cơ lợi tư đốc* nói gọn lại là *Cơ Đốc*

Mặt khác, *cristal* của tiếng Pháp được ta gọi là thuỷ tinh, pha li.

Có thể suy đoán rằng cái *chén thánh* bằng *cristal* dùng trong các buổi lễ được giáo dân phiên âm theo cách nói của người Việt.

- *Cristal* có âm đầu *cris*, phát âm giống *Christ*.

- *Christ* được phiên âm và rút gọn thành *Cơ Đốc*.. Cái *chén thánh* bằng thuỷ tinh được gọi là cái *cơ đốc*.

- *Cơ đốc* được rút gọn thành *cốc*. (Cơ+Đốc = C+ốc = *Cốc*).

Cristal (thuỷ tinh), cái *chén* bằng thuỷ tinh được gọi là cái *cốc*.



(Tranh dân gian Oger có cái Đền cốc, là đền làm bằng thuỷ tinh nhìn thấy cả bên trong lòng đền).

Cốc, *li* đều có nghĩa là *thuỷ tinh*. Cái *chén thuỷ tinh* được trong Nam gọi là cái *li*, ngoài Bắc gọi là cái *cốc*.

(Nguyễn Dư)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm trong *Từ điển từ ngữ Việt Nam* của Nguyễn Lân:

Cà sa là áo của các nhà sư tu đạo Phật, may bằng nhiều mụn vải màu khác nhau.

Định nghĩa như vậy thì đúng, nhưng soạn giả lại giải thích rằng, cà = áo thầy tu; và sa = áo thầy tu.

Sự thực thì hai chữ *cà sa* 袈裟.này được đặt ra chỉ để phiên âm chữ *kasaya* trong tiếng Phạn (nghĩa là *áo của nhà sư*).

Nếu đứng tách rời nhau thì cà và sa 袈 *không có nghĩa gì cả*.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)